



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



TÔN CHỈ HOẠT ĐỘNG

“Chúng tôi luôn nỗ lực để trở thành Công ty kinh doanh đa lĩnh vực nhưng xoay quanh cốt lõi là nghiệp vụ hàng hải, với mục tiêu hàng đầu là hiệu quả và chất lượng dịch vụ. Công ty luôn hướng tới sự sáng tạo, đổi mới trong phát triển kinh doanh, hoạt động chuyên nghiệp theo thông lệ quốc tế tốt nhất, nhằm không ngừng tăng trưởng giá trị cổ phiếu cho cổ đông. Công ty luôn tạo ra môi trường làm việc năng động, sáng tạo cho mọi thành viên nhằm đưa lại cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần”.

The image shows a large, white, stylized logo consisting of the letters 'V' and 'F' joined together. The 'V' is formed by two thick, slanted strokes meeting at a point at the bottom. The 'F' is formed by a thick vertical stroke on the left and two horizontal strokes on the right, with the top horizontal stroke being longer than the middle one. The logo is centered horizontally and occupies the lower half of the image. The background is a solid, light blue color.

MỤC LỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

	Thông điệp của HĐQT	3
	Các mốc lịch sử quan trọng	5
	Báo cáo của Chủ tịch HĐQT	9
	Báo cáo của Ban Giám đốc	12
	Báo cáo của Ban Kiểm soát	24
	Báo cáo tài chính, Báo cáo Kiểm toán	28
	<i>Báo cáo của Ban Giám đốc</i>	29
	<i>Báo cáo của Kiểm toán viên</i>	31
	<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	32
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	34
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	35
	<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	36
	Thành viên trong HĐQT và BKS	52
	Thành viên trong Ban điều hành	54
	Sơ đồ tổ chức của Công ty	57
	Các Công ty có liên quan	59
	Các thành viên góp vốn sáng lập	61
	Các Công ty thành viên	62



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa các Quý cổ đông,

Trước hết, thay mặt Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến toàn thể Quý khách hàng, các đối tác, Quý cổ đông và tập thể cán bộ - công nhân viên đã chia sẻ, đóng góp, đồng hành cùng Vietfracht trong năm vừa qua.

Năm 2010 đã khép lại, đánh dấu việc chúng ta đã đi qua một chặng đường đầy khó khăn của cuộc khủng hoảng kinh tế (2008-2010) với những ảnh hưởng rất nặng nề đến ngành kinh tế nói chung và ngành vận tải biển nói riêng. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội Đồng Quản trị, Ban Giám đốc và tinh thần làm việc tích cực của tập thể người lao động, con tàu Vietfracht vẫn vững vàng vượt qua bão tố vươn tới những thành công. Các chỉ tiêu tài chính do Đại hội đồng cổ đông năm 2009 đề ra đều đã được hoàn thành vượt mức. Doanh thu và Lợi nhuận trong 2010 đều đạt cao hơn năm 2009 trong đó Lợi nhuận sau thuế tăng 59 %. Đặc biệt năm 2010 cũng ghi nhận hai quyết định của HĐQT có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phát triển Công ty. Đó là:

- ✧ Quyết định mua và đưa ngay vào khai thác hiệu quả con tàu mang tên “Thăng long”, tải trọng 9.000 DWT từ tháng 10/2010 bằng nguồn vốn vay thương mại là một thành công trong việc tận dụng cơ hội giá tàu xuống thấp, đầu tư đổi mới và phát triển năng lực vận tải, kinh doanh của đội tàu Công ty.
- ✧ Quyết định tái cơ cấu vốn tòa nhà văn phòng tại 22 Phạm Ngọc Thạch, TP HCM được đánh giá là một quyết định mang tính chiến lược, mang lại hiệu quả rất lớn trong việc tạo ra nguồn lực tài chính phục vụ cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Năm 2011 chúng ta sẽ phải tiếp tục phải đối đầu với những khó khăn của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, ảnh hưởng của việc lạm phát, giá dầu tăng cao ... Phát huy truyền thống gần 50 năm của đơn vị anh hùng Lao động; với thương hiệu Vietfracht đã được khẳng định trên thị trường trong ngoài nước; với hệ thống mạng lưới các đơn vị thành viên hoạt động kinh doanh đa ngành nghề trải dài trên khắp đất nước, Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động Vietfracht cam kết nỗ lực hết mình để đạt được những chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đề ra, đáp ứng sự tin tưởng và mong đợi của các cổ đông.

ĐHĐCĐ thường niên năm nay cũng là Đại hội hết nhiệm kỳ 2006-2010 của HĐQT- Nhiệm kỳ đầu tiên kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần. Nhìn lại chặng đường 5 năm qua, mặc dù còn nhiều trở ngại nhưng chúng ta cũng thấy tự hào về những thành công đã đạt được trong việc gia tăng giá trị tài sản, nâng cao năng lực vận tải và hiệu quả kinh doanh công ty. Xin cảm ơn các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ qua về những đóng góp quan trọng trong việc hoạch định các quyết sách, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

Xin chúc HĐQT và BKS nhiệm kỳ tới tiếp tục phát huy những thành quả, truyền thống vẻ vang gần 50 năm qua của Công ty, tận tâm tận lực chèo lái con tàu Vietfracht đến những thành công mới.

Kính chúc các Quý vị cổ đông sức khỏe và tiếp tục đồng hành cùng Công ty. Xin trân trọng cảm ơn!

TM Hội đồng quản trị.

Chủ tịch - Trần Văn Quý



CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH và THÀNH TỰU



**VẬN TẢI HÀNG HÓA
BẰNG ĐƯỜNG BIỂN**



**THUÊ TÀU, CHO THUÊ TÀU
VÀ MÔI GIỚI THUÊ TÀU**



**GIAO NHẬN VẬN TẢI
ĐƯỜNG BIỂN, HÀNG
KHÔNG VÀ ĐƯỜNG BỘ**



**KINH DOANH KHO
BÃI VÀ CONTAINER**



ĐẠI LÝ TÀU BIỂN



ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH



**HUÂN CHƯƠNG
ĐỘC LẬP**



**ĐƠN VỊ ANH HÙNG
LAO ĐỘNG**



**CÚP VÀNG
DOANH NGHIỆP**



**CHỨNG CHỈ
ISO 9001-2008**

CÁC MỐC LỊCH SỬ QUAN TRỌNG

1963



“Tổng công ty Vận tải Ngoại thương – Vietfracht” được thành lập theo Quyết định số 103/BNGT/TCCB ngày 18/02/1963 của Bộ Ngoại thương.

1984



Chuyển từ Bộ Ngoại thương về trực thuộc Bộ Giao thông vận tải và đổi tên thành “Tổng công ty Thuê tàu và Môi giới hàng hải - Vietfracht” theo QĐ của Chủ tịch HĐBT (nay là Thủ tướng Chính phủ).

1991



Được đổi tên thành “Tổng công ty Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht”

2003



Được Chính phủ lựa chọn là 01 trong 21 doanh nghiệp nhà nước thí điểm chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Được thành lập Công ty mẹ : Công ty Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht trực thuộc Bộ GTVT.

2005



Thực hiện cổ phần hoá toàn bộ Công ty.

2006



Công ty Vận tải và Thuê tàu hoàn thành việc cổ phần hoá và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu - Vietfracht hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

2006



Chưa đầy 03 tháng sau khi hoàn thành việc cổ phần hoá, Vietfracht đã đăng ký niêm yết và được chấp nhận giao dịch tại TTGDCK Hà Nội (nay là Sở GDCK Hà Nội) với mã chứng khoán: **VFR**



ĐỊNH HƯỚNG P H Á T T R I È N

***P**hấn đấu trở thành một trong số doanh nghiệp hiệu quả cao và tiêu biểu của Việt Nam trong lĩnh vực vận tải biển và dịch vụ hàng hải.*

Không ngừng nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động SXKD, nâng cao chất lượng dịch vụ, nhằm tối đa hoá lợi ích của cổ đông;

***S**ong song với hiệu quả SXKD, chú trọng cải thiện điều kiện và môi trường làm việc để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;*

Củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường hợp tác liên kết để không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn duy trì - phát triển uy tín, hình ảnh, thương hiệu Vietfracht trên thương trường.

***C**ông ty tích cực tham gia công tác xã hội, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nghĩa vụ đối với Ngân sách NN và Xã hội.*



TỔNG QUAN KINH TẾ NĂM 2010 VÀ NHẬN ĐỊNH CHO 2011

1. Kinh tế thế giới năm 2010

Năm 2010, là năm đầu tiên của giai đoạn phục hồi kinh tế thế giới sau cuộc đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Các nước đang điều chỉnh chiến lược, thực thi các chính sách, biện pháp bảo vệ lợi ích, xích lại gần nhau hơn trong những vấn đề toàn cầu. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới vẫn chưa đạt được sự cân bằng; thêm vào đó là cuộc đấu tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra quyết liệt, sự tranh giành ảnh hưởng và tìm kiếm lợi ích ngày càng sôi động hơn; sự điều chỉnh chính sách kinh tế đối ngoại của một số nước lớn đã tác động mạnh mẽ đến tình hình an ninh kinh tế thế giới; trật tự thế giới mới dựa trên cơ sở kinh tế vẫn chưa được định hình trên thực tế.

Được nhìn nhận là năm chặn được đà khủng hoảng lan rộng và có những đặc điểm chính như sau: Cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu xảy ra, đe dọa cả những nước ngoài Châu Âu. Các nước tung ra các gói kích thích kinh tế, duy trì lãi suất thấp để kích cầu đầu tư, khiến giá cả hàng hoá tăng mạnh trên thị trường thế giới (giá vàng lên cao kỷ lục với 1.400 USD/ounce, giá dầu tăng, Trung Quốc lạm phát cao)... Tuy nhiên, KT thế giới đã có dấu hiệu khởi sắc hơn năm 2009, như: GDP toàn cầu tăng 3,3% (năm 2009 giảm 1,1%), trong đó nhóm các nước đang PT đạt 6,2%, GDP của Trung Quốc tăng 9,6%, và Trung Quốc đã lần đầu tiên vượt Nhật Bản để trở thành nền KT lớn thứ hai thế giới sau Mỹ. Thương mại toàn cầu tăng 12,3% (năm 2009: giảm 11%). Nhóm các nước G7 không còn thể hiện được vai trò dẫn dắt toàn cầu nữa mà cần đến sự phối hợp và thống nhất với nhóm G20 trong việc đối phó với khủng hoảng.

2. Kinh tế Việt Nam và ngành hàng hải năm 2010

Kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng năm qua Việt Nam đã đứng vững, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế khá toàn diện và đạt tốc độ tăng trưởng GDP 6,78%, là mức khá cao so với các nước trong khu vực, Việt Nam đã bước ra khỏi danh sách các nước nghèo trở thành nước có thu nhập trung bình. Tuy nhiên vẫn còn có nhiều nguy cơ tiềm ẩn, nhiều khó khăn thách thức như: lạm phát tăng cao (11,75%), nhập siêu cả năm là 12,37 tỉ đô la Mỹ, giá vàng tăng mạnh, tiền đồng mất giá hơn 9,68%, lãi suất tăng cao. Ngoài ra còn có những yếu tố nội tại yếu kém: Cơ cấu nền kinh tế chưa thật hợp lý và bền vững; Hiệu quả đầu tư công rất thấp; Yếu kém về cơ sở hạ tầng... sẽ kìm hãm sự tăng trưởng và làm cho các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, cuộc sống của đa số nhân dân bị giảm sút.

Thị trường vận tải biển khó khăn năm thứ ba liên tiếp, và vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục rõ nét, còn bấp bênh, chỉ số BDI đầu năm 2010 đã tăng lên khá (4.209 điểm nhưng bị đuối về cuối năm (chỉ còn 1.700 điểm), giá nhiên liệu tăng cao (đầu năm 2010 giá FO/DO là 430/625 USD/tấn, cuối năm lên mức 525/780 USD/tấn), chi phí vốn đầu tư cao (lãi suất vay USD trong nước cao tới 7 - 8%/năm), lương thuyền viên tăng... đang và sẽ là những yếu tố ảnh hưởng xấu trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh đội tàu của Công ty.



KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI CỦA CÔNG TY

Năm 2010 đã qua đi đánh dấu nhiều mốc quan trọng của đất nước cũng như của Công ty chúng ta. Tại Đại hội lần này, ngoài việc đánh giá kết quả năm 2010, thông qua kế hoạch 2011, cũng là dịp để chúng ta nhìn lại và đánh giá quá trình phát triển của Công ty trong 5 năm qua, kể từ Đại hội cổ đông đầu tiên khi VIETFRACHT chính thức trở thành Công ty cổ phần, đồng thời định hướng phát triển trong 5 năm tới.

1. Những khó khăn chính:

- ✧ Ngành VTB là ngành kinh doanh chính của Công ty, tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc suy thoái KT toàn cầu, và sự trì trệ của thị trường hàng hải thế giới, có nhiều khó khăn như: khối lượng hàng hoá thương mại giảm, giá cước, giá cho thuê tàu rất thấp, giá dầu tăng mạnh... Nhiều DN VTB trong nước suy giảm lợi nhuận, thậm chí bị lỗ, điển hình là sự đổ vỡ của Tập đoàn Vinashin;
- ✧ Thị trường tài chính trong nước không thuận lợi với các yếu tố: lãi suất ngân hàng rất cao, tỷ lệ lạm phát cao, đồng nội tệ trượt giá...
- ✧ Năm 2010 kế thừa cán cân tài chính không lành mạnh của 2009 để lại, như thiếu nguồn vốn cho đầu tư và làm vốn lưu động nên SXKD gặp khó khăn. Ngoài ra, vẫn tồn tại những hạn chế nội tại Công ty như thiếu một số cơ sở hạ tầng tại một số địa bàn, hạn chế nguồn nhân lực về mặt ý thức và trình độ, đặc biệt là đội ngũ thuyền viên...

2. Những thuận lợi cơ bản:

- ✧ Là Doanh nghiệp có bề dày truyền thống và kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh của mình, lại có mạng lưới các chi nhánh, và các công ty liên doanh – liên kết rộng khắp với cơ sở vật chất ở các địa bàn hoạt động, có ngành nghề hoạt động khá đa dạng nên có sự bù trừ lợi nhuận trong kinh doanh, không bị lỗ như một số DN kinh doanh VTB đơn thuần;
- ✧ Công ty có truyền thống đoàn kết, có đội ngũ CBCNV có kinh nghiệm lâu năm, yêu ngành, yêu nghề, cùng đồng lòng gắng sức vượt qua khó khăn nên có sự nhất trí trong hành động; Với thương hiệu có tiếng, Công ty có mối quan hệ, hợp tác tốt với nhiều đối tác quốc tế và trong nước. Đó là sự thuận lợi quý giá để Công ty có thể vượt qua mọi khó khăn, duy trì khá ổn định lợi nhuận Công ty, chờ thời cơ vươn lên.

I. NHỮNG NÉT NỔI BẬT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2010

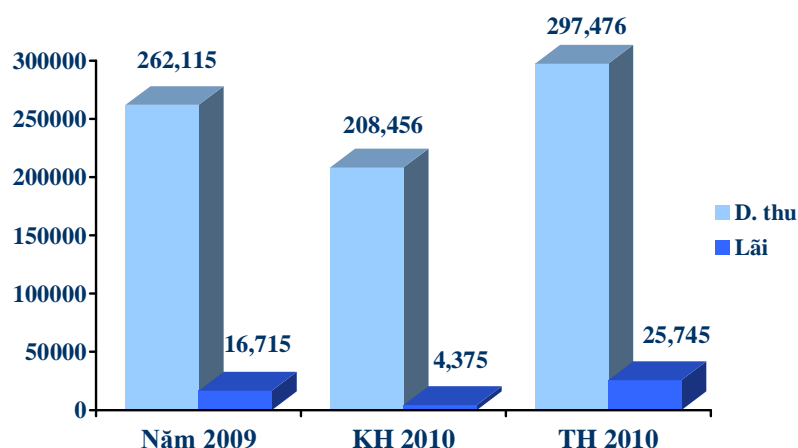
Kết quả SXKD toàn Công ty năm 2010 như sau (tỷ đồng):

	Thực hiện 2009	Kế hoạch 2010*	TH 2010	So sánh TH 2010/2009	So sánh TH/KH 2010
Tổng doanh thu	262,11	264,31	297,47	113,49 %	113,49%
LN trước thuế	16,71	26,90	25,74	154,04 %	95,69%
LN sau thuế	14,28	20,18	22,71	158,98 %	112,55%

Ghi chú: * Kế hoạch 2010 bao gồm việc bán tàu VF01 (nhưng thực tế chưa bán).

Kế hoạch 2010 không bao gồm việc bán tàu VF01 là: Doanh thu 208,45 tỷ đồng, LN trước thuế 4,37 tỷ đồng.

Biểu đồ doanh thu và lợi nhuận Công ty năm 2010: (tỷ đồng)



Như vậy, doanh thu và lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2010 đều đạt cao hơn năm 2009, trong đó doanh thu tăng 13,49%, LNTT tăng 54,04%, tuy nhiên vẫn chưa đạt mức lợi nhuận của năm 2008 (LNTT là 32,75 tỷ đ.).

So với kế hoạch không bao gồm việc bán tàu VF01 (là KH thực tế), thì doanh thu năm 2010 vượt 42,84% kế hoạch, LNTT năm 2010 vượt 489% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế (LNST) năm 2010 đạt 22,71 tỷ đồng cao hơn 59% so với LNST năm 2009, đó là kết quả rất đáng khích lệ thể hiện sự cố gắng lớn của ban lãnh đạo và toàn Công ty; ngoài ra chúng ta còn giữ lại được tàu VF01 để tiếp tục sử dụng, khai thác và đầu tư thành công thêm tàu Thăng Long, nâng tổng trọng tải đội tàu Công ty lên hơn 33.000 DWT.

5 năm qua, từ 2006 đến 2010 Công ty tăng trưởng tương đối đều đặn, thể hiện sự cố gắng liên tục của toàn Công ty, tuy nhiên lợi nhuận (trước thuế) tăng không tương ứng năm 2008 và 2009 Lợi nhuận có xu hướng giảm khá mạnh do phải chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nhưng sang 2010 Lợi nhuận đã phục hồi phần nào. Năm 2007 tỷ suất LNTT/ Doanh thu đạt 21,17% thì năm 2008 tỷ lệ này chỉ đạt 6,38%, nhưng sang năm 2010 lại đã tăng lên 9,92%... Điều đó cho thấy cuộc khủng hoảng đã ảnh hưởng mạnh đến kết quả kinh doanh của Công ty như thế nào, và cho thấy Công ty cũng đã thích nghi dần dần, đã có những biện pháp để phục hồi hiệu quả sản xuất.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2010

Năm 2010 là năm đầu tiên có sự phân tách giữa quản lý và điều hành (Chủ tịch HĐQT thôi kiêm nhiệm chức danh TGD), thành lập Thường trực HĐQT đã mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý điều hành của toàn Công ty. HĐQT Công ty hoạt động theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty. Hàng quý, HĐQT nhóm họp thường kỳ với đầy đủ các thành viên; Hàng tháng thường trực HĐQT họp để kiểm điểm công tác tháng và bàn các biện pháp chỉ đạo tháng tiếp theo.

Thường trực HĐQT đã luôn chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc và giải quyết các công việc giữa hai kỳ họp HĐQT, đã chỉ đạo Ban Giám đốc trong công tác đầu tư, tổ chức kinh doanh, quản lý và điều hành trong việc mua bán phát triển đội tàu, các công tác đầu tư cũng như việc tổ chức tái cơ cấu nguồn vốn. Đã có sự phối hợp tốt giữa các thành viên HĐQT, giữa Thường trực HĐQT và Ban Giám Đốc, giải quyết kịp thời các thủ tục và yêu cầu sản xuất kinh doanh, do đó nhìn chung các biện pháp điều hành có chất lượng tốt và có tính thống nhất cao. Song HĐQT cần phải chủ động hơn, sâu sát hơn trong việc đề xuất các định hướng hoạt động cho Ban Điều Hành thực hiện.

Trong năm HĐQT đã ban hành 12 nghị quyết và một số quyết định để đề ra các chủ trương công tác và phê duyệt các phương án, vụ việc lớn trong hoạt động của Công ty, đơn cử các sự kiện sau:

- ✧ Tạm dừng việc chuyển đổi 02 chi nhánh Vietfracht Hải phòng và Vietfracht Hồ Chí Minh thành các Công ty TNHH 01 thành viên, nhưng vẫn giao cho Ban Điều hành có trách nhiệm tiếp tục nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức Chi nhánh sao cho phù hợp nhất nhằm phát huy được sự năng động sáng tạo của người lao động, bảo đảm chất lượng dịch vụ, hiệu quả kinh doanh cao nhất trong từng đơn vị.
- ✧ Quyết định chủ trương mua tàu Thăng Long 9.000 DWT để tranh thủ giá tàu hạ, trẻ hoá đội tàu Công ty.
- ✧ Quyết định việc tái cơ cấu vốn toà nhà 22 Phạm Ngọc Thạch – Tp HCM để huy động vốn cho hoạt động đầu tư và SXKD.
- ✧ Thông qua chủ trương đầu tư vốn vào 02 Công ty liên kết mới là Công ty CP In Viễn Đông và Công ty CP ĐTXD Trung Hưng.
- ✧ Thông qua cho ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty.
- ✧ Về cơ cấu sở hữu vốn điều lệ Công ty:

Vốn Điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng. Tổng số cổ phần: 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá: 10.000 đ/cp.

Trong năm, có sự chuyển nhượng cổ phần của một số cổ đông lớn, cổ đông chiến lược, ví dụ trong đó Ngân hàng TMCP Quân đội đã bán hết 750.000 cp của mình. Đến nay cơ cấu vốn Điều lệ của Công ty như sau:

Tính chất vốn	Chủ thể sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ
Nhà nước	TCTy ĐT&KD vốn Nhà nước	7.653.200	51,02%
CĐ chiến lược	Công ty CP Tân Cảng Sài Gòn	1.000.000	6,67%
Cá nhân	Các cá nhân trong và ngoài Cty	6.346.800	42,31%

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2011

1. Đối với nhiệm vụ SXKD

Mục tiêu Công ty:

Tình hình KT thế giới và KT Việt Nam còn rất nhiều khó khăn, thách thức ở phía trước. Thị trường hàng hải vẫn rất bất ổn, có những yếu tố không thuận lợi, do những biến động chính trị mới đây tại các nước Trung Đông, và thảm họa thiên tai tại Nhật Bản... Do đó, phải xác định rõ mục tiêu Công ty năm nay phải hết sức thận trọng trong đầu tư, tăng cường quản lý sản xuất để duy trì hiệu quả và củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự.

Kế hoạch tài chính năm 2011 của Công ty năm (tỷ đồng):

	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2011	SS KH 11/TH 10
Tổng doanh thu	297,47	524,97	176,48%
Tổng chi phí	271,73	394,67	145,24%
LN trước thuế	25,74	130,30	506,22%
LN sau thuế	22,71	90,35	397,84%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn Điều lệ	15,14%	60,23%	397,82%

2. Kế hoạch công tác của HĐQT

- ✧ Năm nay, nhiệm kỳ 5 năm HĐQT sẽ kết thúc và chuyển sang nhiệm kỳ mới, do đó sẽ phải bầu lại các thành viên HĐQT, đồng thời bầu lại các thành viên Ban Kiểm soát. Công ty sẽ chú trọng tìm các ứng viên phù hợp, có trình độ để bầu vào các vị trí mới.
- ✧ HĐQT sẽ duy trì các cuộc họp theo đúng quy định, giám sát có hiệu quả hơn đối với hoạt động của Ban Điều hành; tăng cường phối hợp và phối hợp tốt hơn giữa các thành viên HĐQT, giữa HĐQT với Ban Kiểm soát và với Ban Điều hành nhằm đáp ứng yêu cầu kịp thời trong chỉ đạo và điều hành SXKD.
- ✧ Trước mắt, cùng với Ban Điều hành sẽ cố gắng tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông của Công ty năm 2011.
- ✧ Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động năm 2010, kế hoạch hoạt động năm 2011 của HĐQT, kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận và quyết nghị.

I. KẾT QUẢ SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2010

Diễn biến kinh tế và thị trường hàng hải những tháng đầu năm 2010 từng mang đến cho giới doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp hàng hải sự kỳ vọng rất lớn về một tình hình sáng sủa hơn. Tuy nhiên, đến giữa năm sự biến động liên tục và gần như cùng lúc của những bất ổn kinh tế thế giới, của giá cước, giá dầu, của lãi suất ngân hàng, tỷ giá VNĐ/USD, giá vàng... đã khiến cho doanh nghiệp bất ngờ, bối rối, ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động kinh doanh.

Ngay từ khi xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2010, Ban giám đốc đã nhận thấy thị trường hàng hải mới ở mức dừng xuống dốc nhưng chưa có dấu hiệu hồi phục rõ rệt; kinh tế trong nước cực kỳ nhiều bất ổn, giá cả, lãi suất đi vay, chênh lệch tỷ giá tăng cao; năng lực kinh doanh, năng lực tài chính của Công ty rất hạn chế: đội tàu nhỏ và cao tuổi, hệ thống kho tàng bến bãi chủ yếu là đi thuê ngắn hạn, ...; kết quả SXKD năm trước liền kề (2009) lãi 16,7 tỷ đồng chủ yếu là lãi do bán bớt cổ phần tại NTCS (lãi 15,4 tỷ). Cho nên kế hoạch kinh doanh năm 2010 chỉ là hòa vốn, tiền lãi được hình thành chủ yếu từ doanh thu bán tàu Vietfracht 01 đã khấu gần hết nguyên giá.

Để hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ và HĐQT giao, ngay từ những tháng đầu năm 2010 Ban giám đốc chủ động đề ra một số biện pháp mạnh mẽ nhằm tăng thu, giảm chi phí, đặc biệt tập trung vào nghiệp vụ vận tải biển - khâu lỗ nhất trong hệ thống, tàu VF Glory - tàu có mức lỗ cao nhất trong đội tàu VF, đội ngũ sỹ quan trên các tàu VF – điểm yếu nhất. Và trên hết là tinh thần đoàn kết, sáng tạo vượt khó - yếu tố chủ yếu hình thành nên thương hiệu VIETFRACHT gần 50 năm qua được nêu cao. Năm 2010, Vietfracht vẫn tự hào đứng vững trước khủng hoảng và kinh doanh đạt hiệu quả cao hơn năm trước, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao.



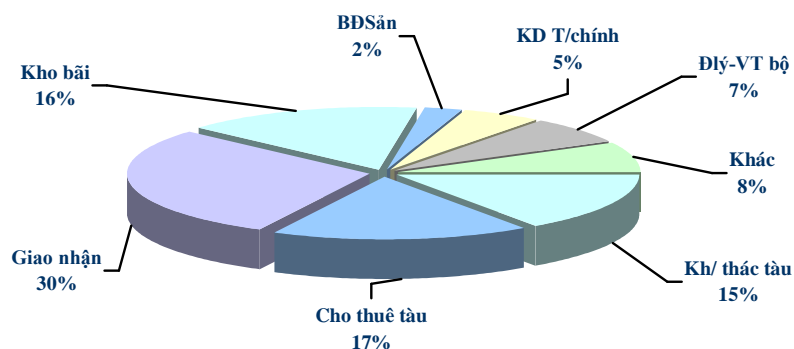
Kết quả SXKD toàn Công ty năm 2010

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2009	KẾ HOẠCH 2010	THỰC HIỆN 2010	TH10/TH09 %	TH10/KH10 %
1	Vốn điều lệ	Tr đ	150,000	150,000	150,000		
	Cổ phần nhà nước	Tr đ	76,532	76,532	76,532		
	Cổ đông khác	Tr đ	73,468	73,468	73,468		
2	Tổng doanh thu	Tr đ	262,113	264,310	297,470	113.49	112.55
	<i>Đội tàu</i>	<i>Tr đ</i>	<i>82,715</i>	<i>75,142</i>	<i>103,333</i>	<i>124.93</i>	<i>137.52</i>
	<i>Kinh doanh khác</i>	<i>Tr đ</i>	<i>179,398</i>	<i>189,168</i>	<i>194,137</i>	<i>108.22</i>	<i>102.63</i>
3	Tổng chi phí	Tr đ	245,400	237,410	271,728	110.73	114.46
	<i>Đội tàu</i>	<i>Tr đ</i>	<i>99,891</i>	<i>93,318</i>	<i>104,170</i>	<i>104.28</i>	<i>111.63</i>
	<i>Kinh doanh khác</i>	<i>Tr đ</i>	<i>145,509</i>	<i>144,092</i>	<i>167,558</i>	<i>115.15</i>	<i>116.29</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	16,713	26,901	25,742	154.02	95.96
	<i>Đội tàu</i>	<i>Tr đ</i>	<i>-17,176</i>	<i>-18,175</i>	<i>-838</i>	<i>4.88</i>	<i>4.61</i>
	<i>Kinh doanh khác</i>	<i>Tr đ</i>	<i>33,889</i>	<i>45,076</i>	<i>26,579</i>	<i>78.43</i>	<i>58.96</i>
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr đ	2,430	6,725	3,035	124.90	45.13
	- Thuế TNDN phải nộp	Tr đ	2,430	6,725	3,035	124.90	45.13
	- Thuế TNDN được miễn giảm	Tr đ			1,550		
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	14,283	20,176	22,707	158.98	112.54
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	9.52	13.45	15.14	159.03	112.57
7	Trích lập các quỹ	Tr đ	5,282	5,176	7,707	145.91	148.90
	- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	Tr đ	236	198	289	122.46	145.96
	- Quỹ dự phòng tài chính	Tr đ	1,428	1,127	2,271	159.03	201.51
	- Quỹ đầu tư phát triển	Tr đ	2,124	198	1,550	72.98	782.83
	- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ	Tr đ	714	1,009	1,135	158.96	112.49
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr đ	780	2,644	2,461	315.51	93.08
8	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr đ	9,001	15,000	15,000		
9	Tỷ lệ chi cổ tức	%	6.00	10.00	10.00		

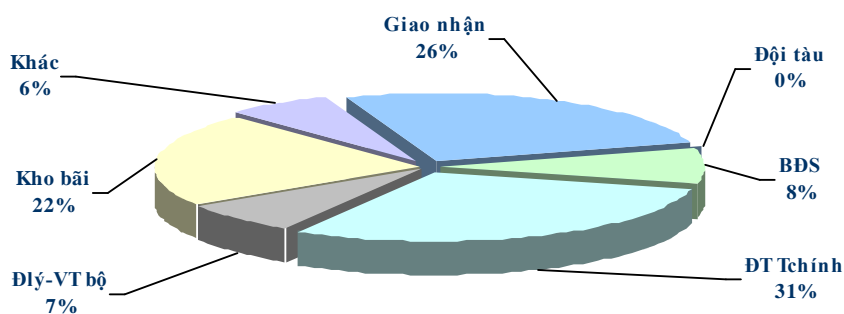
Một số chỉ số tài chính năm 2010 như sau:

TT	Các chỉ số tài chính	2009	2010
1	LN trước thuế / Doanh thu	6,38%	8,65%
2	LN sau thuế/ Doanh thu	5,45%	7,63%
3	LN sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	7,3%	10,88%
4	Vòng quay Tổng TS	56,78%	50,98%
5	Tỷ lệ nợ/ Tổng tài sản	57,39%	64,25%
6	Vốn CSH/ Tổng tài sản	42,61%	35,75%
7	Hệ số thanh toán	0,96 lần	0,65 lần
8	Hệ số thanh toán nhanh	0,65 lần	0,32 lần

Cơ cấu Doanh thu giữa các nghiệp vụ kinh doanh:



Cơ cấu Lợi nhuận TT giữa các nghiệp vụ kinh doanh:



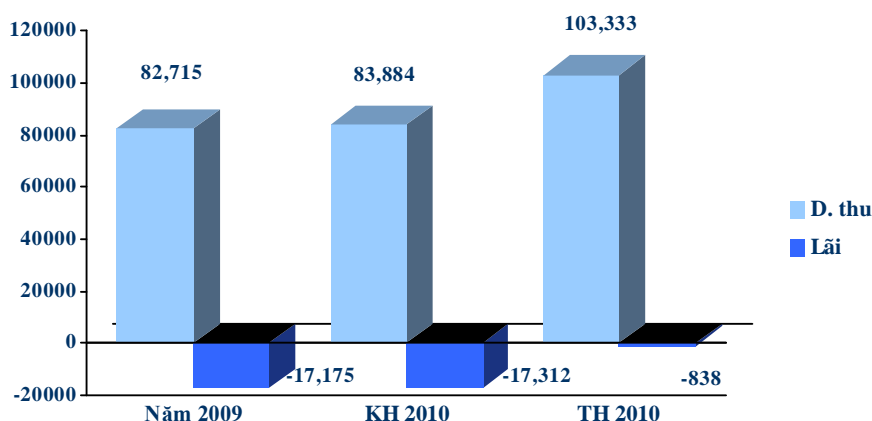
Qua phân tích số liệu trên đây ta thấy :

- a. Các chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế đều tăng cao so với năm 2009 và kế hoạch được giao.
- b. Tất cả các đơn vị trong Công ty đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, trong đó khối vận tải biển là điểm sáng nhất giảm lỗ so với năm 2009 và kế hoạch hơn 16 tỷ đồng, đây là nhân tố chính đem lại thành công cho Công ty trong năm 2010.
- c. Ngoại trừ nghiệp vụ vận tải biển còn bị lỗ, tất cả các nghiệp vụ kinh doanh của Công ty đều đạt hiệu quả và có mức tăng trưởng hơn so với năm 2009.
- d. Năng lực tài chính, các cân đối tài chính như tỷ lệ nợ, tỷ lệ vốn chủ sở hữu, khả năng thanh toán của Công ty đã đi xuống rõ rệt với lý do chủ yếu là trong 5 năm qua Công ty không tăng vốn điều lệ, lợi nhuận sau thuế chủ yếu là dùng để chia cổ tức, trong khi đó vẫn phải đầu tư phát triển. Đây cũng là lý do dẫn đến tình trạng những tháng cuối năm 2010 Công ty đã phải gồng mình chịu áp lực khi đến kỳ trả nợ vay mua tàu, ứng tiền làm dịch vụ, Công ty đã không trả cổ tức đúng kỳ hạn cho 02 cổ đông lớn (là TCTy ĐT&KD vốn NN – SCIC và TCTy Tân cảng Sài Gòn - SNP), thậm chí đã phải vay vốn lưu động để trả nợ đến hạn và chi lương cho cán bộ, thuyền viên.



Dưới đây là chi tiết về kết quả kinh doanh của từng nghiệp vụ cụ thể.

Nghiệp vụ kinh doanh vận tải biển: (triệu đồng)

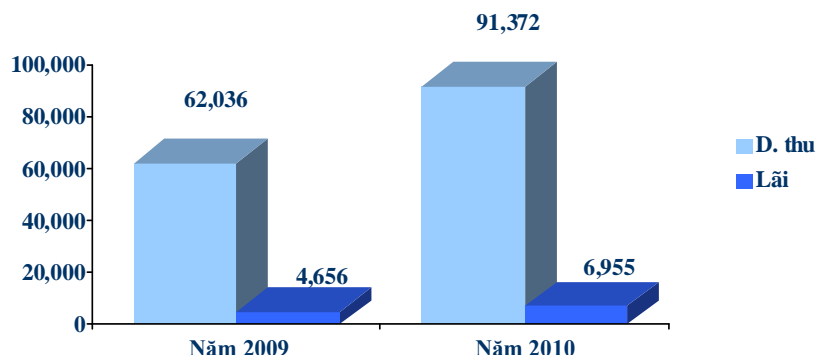


Năm qua cũng đã đánh dấu sự quay trở lại thị trường khai thác hàng hải của Vietfracht với việc trực tiếp khai thác tàu Vietfracht 02 có lãi cao và từng bước khôi phục lại hệ thống chủ hàng, đại lý và môi giới. Đây cũng chính là cơ sở để Công ty tiếp tục chủ trương rút bớt tàu cho thuê định hạn về tự khai thác. Ba tàu cho thuê định hạn đảm bảo được ngày doanh vận, VF Glory được ưu tiên trong tất cả các khâu: cấp vật tư, phụ tùng, lựa chọn thuyền viên có năng lực, tâm huyết đã từng bước khắc phục được tình trạng kỹ thuật giảm lỗ đối với tàu này. Tuy nhiên, chưa nâng được giá cho thuê 02 tàu VF Glory và VF01 vì thị trường hàng hải quá xấu.

Ban điều hành chủ động áp dụng phụ cấp thu hút đối với khối sỹ quan trên các tàu VF đặc biệt là sỹ quan quản lý và cắt giảm lương thuyền viên dự trữ, việc này đã tạo điều kiện cho công tác thuyền viên trong các tuyển dụng mới, nhận lại thuyền viên VF đang “đánh thuê” cho các doanh nghiệp khác, ... hơn nữa nâng cao được ý thức, trách nhiệm của thuyền viên. Công tác quản lý chủ tàu cũng được cải tiến nhằm tiết kiệm chi tiêu, đảm bảo tình trạng kỹ thuật của tàu.

Hơn thế nữa, trong năm 2010 mặc dù thị trường hàng hải còn nhiều bất ổn và rất khó khăn về tài chính nhưng Công ty đã quyết tâm nắm bắt cơ hội, đầu tư mua thêm được tàu Thăng Long và giữ lại chưa bán tàu Vietfracht 01 nhằm tăng cường năng lực vận tải của đội tàu VF. Tàu Thăng Long trọng tải xấp xỉ 9.000 DWT đóng tại Nhật Bản, sau khi tiếp nhận về đã cho thuê với giá khá cao so với mặt bằng thị trường, nên mới trong hơn 2 tháng cuối năm 2010 đã có lợi nhuận trên 2 tỷ đồng.

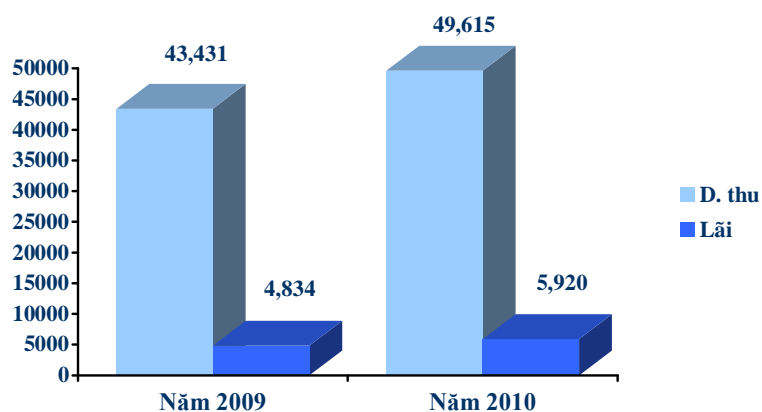
Nghiệp vụ KD giao nhận vận tải: (triệu đồng)



Nghiệp vụ giao nhận vận tải luôn phải chịu sự cạnh tranh gay gắt hơn nữa do cơ sở vật chất yếu kém nên hầu hết phải thuê ngoài với chi phí cao nên mặc dù doanh thu tăng cao nhưng lợi nhuận tăng trưởng không nhiều. Khâu marketing như mở thêm dịch vụ, tìm kiếm khách hàng mới, giữ chân khách hàng hiện có chưa được coi trọng đúng mức nên vẫn còn xảy ra tình trạng mất dịch vụ, mất khách hàng.

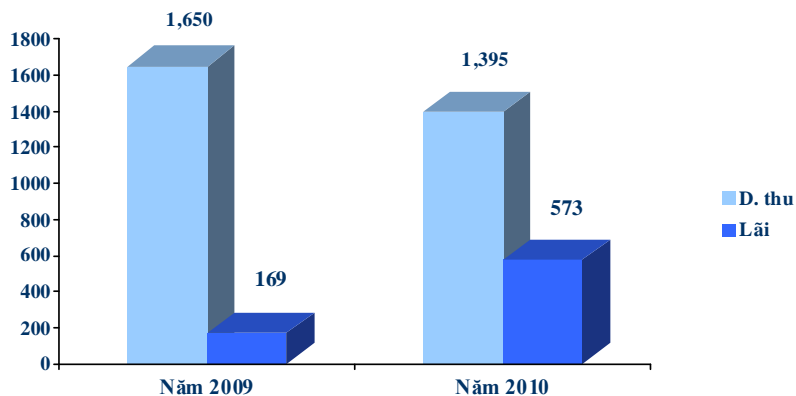
Công tác tăng cường tính hệ thống trong nghiệp vụ giao nhận vận tải đã được quan tâm hơn, chính vì vậy mà sự phối – kết hợp giữa Văn phòng Hà Nội với các chi nhánh, giữa Công ty với các đơn vị VF có vốn góp đã có những tiến bộ tạo điều kiện cho việc tiết kiệm chi phí, các đơn vị sử dụng dịch vụ của nhau và marketing những khách hàng lớn cần sử dụng dịch vụ ở nhiều nơi trên cả nước.

Nghiệp vụ KD kho bãi: (triệu đồng)

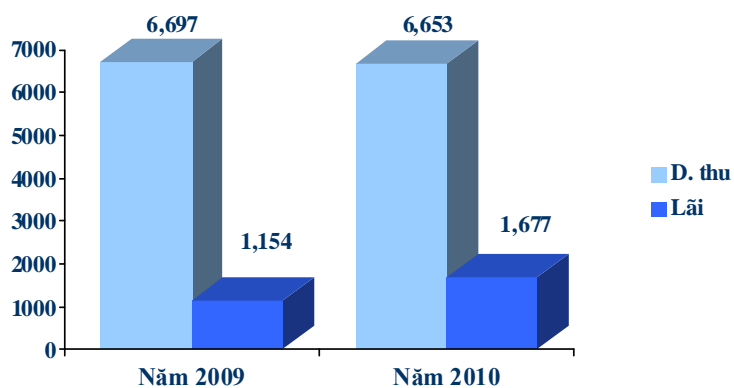


Hoạt động KD kho bãi chiếm tỷ trọng khá là 22% trong tổng lợi nhuận của Công ty, và có sự ổn định hơn so với các nghiệp vụ KD khác và được coi là cơ sở hậu cần cho nghiệp vụ giao nhận vận tải. Tuy vậy, quy mô kho bãi của Công ty còn nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu, và còn mất cân đối giữa các địa bàn: Tại Chi nhánh VFHCM - một địa bàn KT sôi động, nhưng chúng ta không có kho bãi mà chỉ toàn đi thuê, do đó làm giảm hiệu quả kinh doanh của VFHCM. Tình hình tại Công ty con Vietfracht Đà Nẵng cũng như vậy. Đây là điểm yếu mà Công ty muốn khắc phục trong thời gian tới.

Nghiep vụ Đại lý tàu container: (triệu đồng)



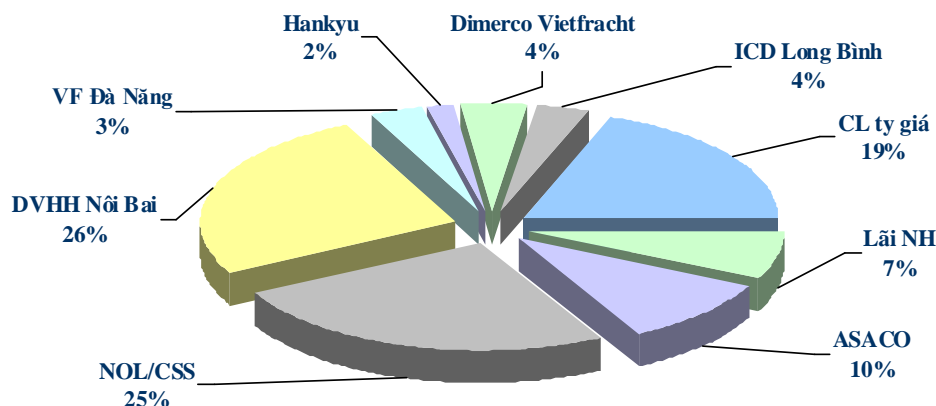
Và Nghiệp vụ Đại lý tàu chuyển: (triệu đồng)



Mảng Đại lý tàu biển (tàu container và tàu chuyển) có sự cạnh tranh mạnh, và thị trường của dịch vụ này có xu thế ngày càng thu hẹp lại, cụ thể là: hoặc một số hãng tàu nước ngoài bị phá sản, không sử dụng dịch vụ của ta nữa, hoặc họ lập liên doanh để tự thực hiện... Nhìn biểu đồ ta thấy, mảng đại lý tàu biển và container chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong thu nhập của Công ty.



Cơ cấu Lợi nhuận từ nghiệp vụ đầu tư tài chính



Nghệp vụ ĐT tài chính ở đây bao gồm thu cổ tức từ các Cty con, Cty liên doanh liên kết (LDLK) của Công ty và tiền lãi gửi ngân hàng. Trong số các Cty LDLK cổ tức từ Cty CP DV Hàng hoá Nội Bài lớn nhất (chiếm 26%), rồi đến Liên doanh VTB Thế Kỷ - CSS Singapo (chiếm 25%), tiếc rằng CTLD này đã giải thể trong năm 2010 do khó khăn về thị trường, chấm dứt 18 năm hoạt động khá hiệu quả, đây là một điều Công ty không mong muốn.

Công ty con Vietfracht Hưng Yên, sau một thời gian đầu tư xây dựng kho bãi, đã chính thức đi vào hoạt động, khai thác kho bãi tại Phố Nối, Hưng Yên. Hai CTLD là Dimerco Vietfracht và Hankyu Hanshin, Công ty phải chuyển nhượng cho đối tác nước ngoài 2% vốn ĐL (theo thoả thuận tại Hợp đồng liên doanh), đã giảm vốn cổ phần của mình từ 51% xuống còn 49%.

Cũng trong năm 2010, Vietfracht đã góp vốn để tham gia thành lập thêm 2 công ty liên kết nữa là Công ty CP In Viễn Đông và Công ty CP ĐTXD Trung Hưng. 2 Công ty này đã đi vào sản xuất ngay từ nửa cuối năm 2010. Nhìn chung, các Cty LDLK khác đều có lãi và đều chia cổ tức cho Vietfracht, trừ một vài Cty còn bị lỗ và không có cổ tức để chia, như Heung - A và Unithai.

* Về khối Bất động sản, do thị trường thuê văn phòng ảm đạm, người thuê trả lại nhà 73 Lò Đúc – Hà Nội trước thời hạn, Công ty buộc phải lấy nhà về để cho thuê lẻ trong bối cảnh: giá thuê nhà hạ, khách thuê nhà ít. Ngoài ra Vietfracht đang tiến hành các thủ tục để tái cơ cấu nguồn vốn toà nhà 22 Phạm Ngọc Thạch – TpHCM để huy động vốn phục vụ nhu cầu SXKD và đầu tư. Đến thời điểm này, việc chuyển nhượng nhà này đã hoàn tất, tạo ra một nguồn vốn khá để Công ty sử dụng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

1. Dự báo kinh tế năm 2011

Kinh tế thế giới: Năm 2011 vẫn là một năm đầy khó khăn, thậm chí còn khó khăn hơn năm 2010. Bên cạnh tình trạng đang tồn tại là: giá dầu leo thang, giá vàng tăng cao, lạm phát tăng cao ở các nền KT đang PT, tình trạng nợ công cao ở các nước Châu Âu. Đầu năm 2011 vừa qua xảy ra bất ổn chính trị tại các nước Bắc Phi - Trung Đông; mới đây nhất là thảm họa thiên tai động đất sóng thần tại Nhật Bản gây thiệt hại to lớn về người và của. Do đó Liên Hợp Quốc dự báo năm 2011 mức tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ thấp hơn năm 2010, thương mại toàn cầu cũng vậy.

Kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc suy thoái KT thế giới, tuy nhiên nằm trong khu vực PT cao của thế giới, nên vẫn được đánh giá là một thị trường tốt cho việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI, sẽ tạo ra những ảnh hưởng tích cực phần nào. Song còn chứa đựng rất nhiều thách thức khó khăn lớn như: lạm phát có nguy cơ tăng mạnh, đồng nội tệ mất giá, nhập siêu và bội chi ngân sách, chính sách tài chính thắt chặt... Năm 2011 CP Việt Nam sẽ tập trung vào ổn định các cân đối vĩ mô, điều này cho thấy giới DN ít được ưu tiên, do đó sẽ tiếp tục gặp khó khăn.

Nhìn chung, tình hình KT thế giới vẫn chưa thoát ra khỏi khủng hoảng, cộng thêm ảnh hưởng khó lường từ thảm họa thiên tai tại Nhật Bản, do đó nền KT Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn, trong đó Vietfracht cũng sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi toàn Công ty cần nỗ lực nhiều hơn nữa mới có thể vượt qua.

2. Mục tiêu và phương châm hoạt động năm 2011

Mục tiêu chính:

- ✧ Tiếp tục đứng vững trước khủng hoảng, phần đầu SXKD có lãi cao hơn năm trước nhằm đảm bảo đời sống - việc làm cho cán bộ CNV và cổ tức cho cổ đông
- ✧ Tăng cường quản lý sản xuất, thận trọng trong đầu tư, cải thiện các cân đối tài chính Công ty.

Phương hướng hoạt động:

- ✧ Tăng cường quản lý quá trình SXKD để tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả hoạt động. Nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng quan hệ đối ngoại, chú trọng khâu marketing để mở rộng khách hàng và tăng cường hợp tác liên kết.
- ✧ Đối với đội tàu, từng bước chuyển hướng sang trực tiếp khai thác tàu để tạo thế chủ động, tăng cường quản lý đội tàu để nâng cao hiệu quả.
- ✧ Thận trọng trong đầu tư, nhất là đầu tư dự án quy mô lớn. Cần đầu tư để làm lành mạnh các cân đối kế toán, đầu tư tăng cường hiệu quả các dịch vụ đang cung cấp, tìm kiếm cơ hội đầu tư vào nghiệp vụ logistics theo hướng làm chủ dự án, trực tiếp quản lý điều hành.
- ✧ Tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy, nguồn nhân lực, chú trọng tuyển dụng lao động có chất lượng, chú trọng đào tạo cán bộ.

3. Kế hoạch hoạt động của các nghiệp vụ kinh doanh năm 2011

Trong bối cảnh tình hình KT năm 2011 còn rất khó khăn, tất cả các đơn vị, các nghiệp vụ kinh doanh cần phải rà soát, uốn nắn lại hoạt động của mình theo các phương châm nêu trên. Dưới đây là một số nhiệm vụ chính:

Công tác đầu tư và phát triển:

Năm 2011, Công ty có một khoản vốn thu được từ việc tái cơ cấu nhà 22 Phạm Ngọc Thạch vì vậy cần chú trọng đến việc cân chỉnh năng lực tài chính Công ty như : dành một lượng vốn đủ để bù các khoản vốn đã và đang chiếm dụng, hoặc trả nợ ngân hàng trước hạn để giảm chi phí vốn, làm lành mạnh bảng cân đối kế toán Công ty.

Tiếp theo là đầu tư để tăng cường hiệu quả các dịch vụ đang cung cấp như vào trang thiết bị phục vụ sản xuất, vào khâu marketing, tìm kiếm cơ hội đầu tư cơ sở vật chất như kho bãi - cầu cảng là những tài sản dài hạn bền vững. Năm 2011, chính sách tài chính của Nhà nước là thắt chặt nên nhiều doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong thanh toán, trả nợ, và đây chính là cơ hội của người có tiền: Công ty cần theo dõi, bám sát thị trường để sẵn sàng hợp tác, mua lại phần vốn của các DN khó khăn đó.

Nghệp vụ kinh doanh vận tải biển:

- ✧ Phát huy hiệu quả của công tác khai thác tàu năm 2010, trước mắt rút thêm tàu Vietfracht 01 đang cho thuê định hạn về để tự khai thác và các tàu tiếp theo nếu thấy có hiệu quả hơn. Tập trung củng cố khâu nhân sự cán bộ khai thác tàu, xây dựng lại hệ thống khách hàng, hệ thống đại lý và hệ thống môi giới hàng hải → Quyết tâm khôi phục lại thương hiệu VIETFRACHT trên thị trường khai thác, thuê tàu, môi giới hàng hải trong khu vực và trên thế giới.
- ✧ Tăng cường khâu giám sát, quản lý kỹ thuật của đội tàu, trong đó chú ý rà soát, bổ sung hệ thống định mức tiêu hao nhiên liệu, vật tư, ... tăng cường sự phối hợp giữa cán bộ kỹ thuật với thuyền viên, mạnh dạn giao việc cho thuyền viên sửa chữa ngoài chức năng, quán triệt ý thức tiết kiệm nhiên liệu và bảo quản vật tư, phụ tùng trên tàu đối với thuyền viên.
- ✧ Tiếp tục công tác làm mới, trẻ hóa đội ngũ sỹ quan thuyền viên.
- ✧ Tiếp tục bám sát thị trường, tìm kiếm, lựa chọn và nắm bắt kịp thời những cơ hội tốt, có hiệu quả để đầu tư.

Nghệp vụ kinh doanh giao nhận vận tải, kho bãi - cầu cảng:

- ✧ Đây là mảng có sự cạnh tranh cao và hiệu quả cũng cao do đó nâng cao chất lượng dịch vụ là yếu tố quan trọng hàng đầu. Muốn vậy, cần đào tạo nâng cao trình độ và ý thức của những người làm giao nhận, tăng cường khâu marketing tìm mới khách hàng, tạo cơ chế tài chính linh hoạt để luôn bảo đảm có đủ tiền ứng trước cho việc làm hàng. Cần đầu tư trang bị đủ phương tiện làm việc cho khối GNV.T.

- ✧ Tài sản kho bãi, bến cảng là nguồn sinh lời bền vững và trợ giúp cho hoạt động giao nhận logistics nhưng Vietfracht chỉ có chút tài sản khiêm tốn, do đó thời gian tới cần chú trọng tìm địa điểm để phát triển mảng này, đặc biệt tại khu vực Lạch Huyện, Nghi Sơn và Vũng Tàu. Năm 2011 là năm khó khăn, nếu có vốn và mở ra cơ hội, lưu ý áp dụng hình thức đầu tư mua lại hoặc sáp nhập (M&A).

Nghiệp vụ kinh doanh bất động sản và Đầu tư vào DN khác:

- ✧ Tập trung đầu tư hoàn thành các dự án BĐS dở dang, sớm đưa vào sử dụng. Rất thận trọng hoặc hạn chế đầu tư dự án quy mô lớn. Chú trọng quản lý, nâng cao hiệu quả khối các Công ty liên doanh liên kết (LDLK), tăng cường hợp tác liên kết giữa các DN này với nhau và với Công ty.
- ✧ Trong năm nay sẽ hoàn tất việc chuyển nhượng nhà 22 Phạm Ngọc Thạch – Tp HCM, chúng ta sẽ có một lượng vốn, do đó cần có kế hoạch sử dụng hiệu quả lượng vốn này.

Nghiệp vụ kế toán tài chính:

- ✧ Năm nay, cần dành một lượng vốn thích đáng để chi bù các khoản vốn đã và đang chiếm dụng, thanh toán, hoặc trả nợ ngân hàng trước hạn để giảm chi phí vốn, làm lành mạnh bảng cân đối kế toán Công ty. Phân đầu để có thể tăng vốn điều lệ trong năm tới nhằm tăng năng lực tài chính và năng lực kinh doanh của Công ty.
- ✧ Cần tăng cường công tác kế toán, đáp ứng yêu cầu SXKD và hoàn thành các BCTC đúng hạn theo quy định và để công bố thông tin.

Công tác tổ chức cán bộ và tiền lương:

- ✧ Chú trọng công tác quy hoạch, sắp xếp, bố trí cán bộ, đặc biệt là các cán bộ chủ chốt cho Ban Giám đốc, lãnh đạo các đơn vị, chi nhánh. Cần tuyển LĐ trẻ có chất lượng và nhiệt huyết đi đôi với việc áp dụng chế độ đãi ngộ hợp lý. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng, chú trọng đào tạo lại, đào tạo nội bộ để nâng cao ý thức, tay nghề và tiếng Anh.
- ✧ Quy chế trả lương cũ có những bất cập như: Bên cạnh yếu tố khuyến khích làm việc nhưng hạn chế sự hợp tác giúp đỡ giữa các đơn vị, hoặc ảnh hưởng đến người lao động ở đơn vị có kết quả KD còn thấp. Do đó cần thận trọng nghiên cứu, điều chỉnh Quy chế trả lương sao cho phù hợp hơn, bảo đảm thu nhập cho những đơn vị hiện hiệu quả KD còn thấp.

Các công tác khác:

- ✧ Duy trì tốt công tác pháp chế và đối ngoại, chú trọng tìm kiếm các đối tác, bạn hàng để mở rộng liên kết, hợp tác trong SXKD, quảng bá thương hiệu Công ty.
- ✧ Nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ của công tác hành chính quản trị, coi sự hài lòng của mọi người, mọi Phòng là mục đích phục vụ.

4. Kế hoạch tài chính năm 2011

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2010, phương hướng hoạt động năm 2011 của Công ty, và kế hoạch tài chính do các đơn vị xây dựng, Ban lãnh đạo đề ra kế hoạch tài chính Công ty năm 2011 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2010	TH 2010	KH 2011	KH11/ TH10 %
1	Vốn điều lệ	Tr đ	150,000	150,000	150,000	
	Cổ phần nhà nước	Tr đ	76,532	76,532	76,532	
	Cổ đông khác	Tr đ	73,468	73,468	73,468	
2	Tổng doanh thu	Tr đ	264,310	297,470	524,972	176.48
	Đội tàu	Tr đ	75,142	103,333	170,187	164.70
	Kinh doanh khác	Tr đ	189,168	194,137	354,785	182.75
3	Tổng chi phí	Tr đ	237,410	271,728	394,673	145.25
	Đội tàu	Tr đ	93,318	104,170	199,370	191.39
	Kinh doanh khác	Tr đ	144,092	167,558	195,303	116.56
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	26,901	25,742	130,299	506.17
	Đội tàu	Tr đ	-18,175	-838	-29,184	-3482.58
	Kinh doanh khác	Tr đ	45,076	26,579	159,483	600.03
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tr đ	6,725	3,035	39,947	1.316.21
	- Thuế TNDN phải nộp	Tr đ	6,725	3,035	39,947	1.316.21
	- Thuế TNDN được miễn giảm	Tr đ		1,550		
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr đ	20,176	22,707	90,352	397.90
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	13.45	15.14	60.23	397.82
7	Trích lập các quỹ	Tr đ	5,176	7,707		
	- Thù lao HĐQT, BKS	Tr đ	198	289		
	- Quỹ dự phòng tài chính	Tr đ	1,127	2,271		
	- Quỹ đầu tư phát triển	Tr đ	198	1,550		
	- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn ĐL	Tr đ	1,009	1,135		
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tr đ	2,644	2,461		
8	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr đ	15,000	15,000		
9	Tỷ lệ chi cổ tức	%	10.00%	10.00%	không dưới 18%	

Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng, phát huy truyền thống hào hùng của Công ty, với sự đoàn kết, cố gắng nỗ lực của toàn thể đội ngũ CBCNV, chúng ta nhất định vượt qua khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ năm 2011, tiếp tục đưa Công ty vững bước tiến lên.

Ban Điều hành

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải và Thuê tàu
- Căn cứ chương trình làm việc năm 2010 của Ban Kiểm soát Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra kết quả hoạt động SXKD và chi phí quản lý của Công ty năm 2010 trong ngày 03/3/2011.

*** Thành phần Ban kiểm soát**

- | | |
|--------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông Vũ Anh Tú | - Trưởng Ban kiểm soát Công ty |
| 2. Ông Nguyễn Trọng Hiền | - Ủy viên Ban kiểm soát Công ty |
| 3. Ông Nguyễn Tuấn Anh | - Ủy viên Ban kiểm soát Công ty |

*** Đại diện Cty CP Vận Tải và Thuê Tàu**

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Ngô Xuân Hồng | - Tổng Giám đốc Công ty |
| 2. Ông Nguyễn Thanh Thủy | - Kế toán trưởng Công ty |

*** Tài liệu kiểm tra**

- Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty năm 2010.
- Báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2010.
- Kế hoạch SXKD đã được thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2010.

1. Tổng kết hoạt động của BKS trong năm 2010.

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty, Ban Kiểm soát tiến hành họp để tổ chức phân công công việc cho từng thành viên Ban Kiểm soát. Cụ thể như sau:

Ông Vũ Anh Tú - Trưởng Ban phụ trách chung mọi hoạt động của Ban Kiểm soát và trực tiếp thực hiện một số công việc sau: Xây dựng kế hoạch ngân sách, hoạt động của Ban Kiểm soát, lập báo cáo đánh giá giám sát công tác quản lý, điều hành Công ty của HĐQT, Tổng Giám đốc, kiểm tra tính chính xác trong các báo cáo của từng thành viên, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, các công việc khác chưa phân công cho các thành viên khác.

Ông Nguyễn Trọng Hiền - Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm: kiểm tra giám sát công tác đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của Công ty, giám sát quá trình xây dựng và thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật của Công ty, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư của Công ty vào các doanh nghiệp khác, kiến nghị những vấn đề tồn tại và phương hướng giải quyết.

Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý, trung thực trong kế toán, thống kê, báo cáo tài chính, kiểm tra giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản của Công ty, kiến nghị và đề xuất phương án nhằm hoàn thiện công tác kế toán của Công ty.

BKS duy trì họp định kỳ đúng qui định. BKS đã hoạt động độc lập, được cung cấp đầy đủ thông tin về các báo cáo tài chính, Nghị quyết HĐQT, được HĐQT, BGĐ tạo điều kiện, phối hợp tốt với các phòng ban liên quan nên đã hoàn thành nhiệm vụ được giao. BKS thường xuyên phối hợp với HĐQT, BGĐ Công ty trong việc ban hành chủ trương, chính sách mới trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT.

2. Kết quả giám sát các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- ✧ Trong năm, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, hỗ trợ Ban điều hành Công ty điều hành các hoạt động tại đơn vị một cách thuận lợi và có hiệu quả. Công tác đầu tư, phát triển đội tàu được quan tâm đúng mức, công tác quản lý tài chính được đặc biệt chú trọng nhằm tối ưu hóa khả năng sinh lời, nâng cao lợi nhuận của nguồn vốn đầu tư.
- ✧ Các thành viên HĐQT có năng lực quản lý, tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, mọi hoạt động luôn cân nhắc cẩn thận và quyết định kịp thời để hoạt động Công ty đạt kết quả tốt, toàn tâm, toàn ý trung thành vì lợi ích Công ty.
- ✧ HĐQT đã thực hiện đầy đủ và đúng theo Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ tốt việc công bố thông tin theo luật định.
- ✧ Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ. BGĐ Công ty và cán bộ quản lý luôn gương mẫu, trách nhiệm, quản lý, sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản, tài chính, nhân lực lao động trong Công ty. Công ty đã mạnh dạn cơ cấu lại nguồn vốn, tài sản để đầu tư phát triển đội tàu của Công ty.
- ✧ BGĐ Công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm các nghị quyết của HĐQT, qui định của luật pháp, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, các nghĩa vụ tài chính khác và chế độ chính sách cho người lao động.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

Trong năm 2010 Công ty cũng đã hoàn thành vượt mức kết quả SXKD so với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, cụ thể như sau (đồng):

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	278.995.547.435	225.979.730.759
2	Giá vốn hàng bán	252.670.221.157	219.581.298.168
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và c/cấp d/vụ	26.325.326.278	6.398.432.591
4	Doanh thu từ hoạt động tài chính	16.969.000.709	30.737.546.415
5	Chi phí hoạt động tài chính	11.701.330.464	14.865.369.809
6	<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	<i>3.848.776.351</i>	<i>5.438.812.403</i>
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.275.805.487	7.436.872.052
8	Lợi nhuận đầu tư từ hoạt động kinh doanh	24.317.191.036	14.833.921.038
9	Thu nhập khác	1.505.325.269	5.395.598.677
10	Chi phí khác	80.985.802	3.516.991.224
11	Lợi nhuận khác	1.424.339.467	1.878.607.453
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.741.530.503	16.712.528.491
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.034.586.190	2.430.141.022
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.706.944.313	14.282.387.469
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.514	952

4. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2010

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu	297.625.319.378	264.310.000.000	112.55
2	Lợi nhuận trước thuế	25.741.530.503	26.900.000.000	95.69

Năm 2010 mặc dù nền kinh tế thế giới đã bắt đầu hồi phục tuy nhiên những tác động của cuộc khủng hoảng vừa qua vẫn tác động rất lớn đến ngành vận tải biển. Qua đó vẫn còn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

5. Tình hình tài chính (đồng)

✧ *Tài sản:*

Nguyên giá TSCĐ hữu hình	551.816.551.976
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình	404.311.643.617
Nguyên giá TSCĐ vô hình	20.684.697.914
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình	20.684.697.914

✧ *Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:* 52.045.143.309

Trong đó:

Đầu tư vào Công ty con	28.515.400.000
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	15.344.373.309
Đầu tư dài hạn khác	8.600.000.000
Các khoản dự phòng	(414.630.000)

6. Chỉ tiêu lao động tiền lương

Tổng số CBCNV bình quân trong năm	520 người
Tổng quỹ tiền lương thực hiện	30.218.318.416
Thu nhập bình quân đầu người/tháng	4.842.679

7. Đánh giá sự phối kết hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Giám đốc, Cổ đông của Công ty và ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát

- ✧ BKS thống nhất với nội dung của báo cáo tài chính năm 2010 do Công ty lập, sau đó đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM). Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, đầy đủ và chính xác tình hình tài chính Công ty vào thời điểm 31/12/2010, phù hợp với các qui định của hệ thống kế toán hiện hành, tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.
- ✧ Các khoản chi phí được quản lý và kiểm soát chặt chẽ, đúng theo qui định của Công ty và chế độ cho phép.
- ✧ Đảm bảo việc làm cho người lao động, đời sống CBCNV ổn định.
- ✧ Quản lý, điều hành Công ty đúng Điều lệ, chính sách pháp luật của Nhà nước.
- ✧ Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước
- ✧ Về đầu tư sử dụng nguồn vốn của Công ty trong năm 2010:

- Năm 2010, sau khi các cảng nước sâu tại Cái Mép đi vào hoạt động (làm lượng hàng chuyển tải đi Singapo giảm), hoạt động của Công ty liên doanh Vận tải biển Thế Kỷ (CSS Singapo) không còn hiệu quả, HĐQT đã nhất trí chấm dứt hoạt động của liên doanh này vào ngày 01/9/2010, thu hồi lãi và vốn về Công ty. Hai Công ty liên doanh khác là Dimerco Vietfracht và Hankyu Hanshin cũng đến thời hạn chuyển nhượng lại 2% vốn điều lệ cho đối tác nước ngoài theo qui định tại Hợp đồng liên doanh, giảm vốn cổ phần của Công ty từ 51% xuống còn 49%.
- Công ty đã ra Nghị quyết mua lại cổ phần của Công ty CP Vinconship tại Cty CP Logistics Tương lai Việt Nam, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty lên 92% và đổi lại tên thành Vietfracht Hưng Yên. Sau một thời gian đầu tư xây dựng, Công ty đã bắt đầu đưa vào khai thác kho bãi tại khu vực Phố Nối, Hưng Yên bước đầu đã có hiệu quả.
- Tháng 10/2010 Công ty đã đầu tư vay mua 01 tàu hàng khô 8.934 DWT trị giá 7,41 triệu USD trong đó đi vay 5,557 triệu USD tại ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (PG Bank) với thời hạn 10 năm. Sau khi mua tàu, Công ty đã tiến hành cho thuê tàu định hạn và bắt đầu có hiệu quả.
- Để cơ cấu nguồn vốn bằng tiền đáp ứng nhu cầu đầu tư và hoạt động SXKD, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản là nhà 22 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, Tp HCM với tổng trị giá trước thuế là: 175.800.000.000 đồng.

Ban kiểm soát có ý kiến:

- ✧ Năm 2010 Công ty đã hoàn thành vượt mức 112,55% chỉ tiêu doanh thu so với kế hoạch và lợi nhuận trước thuế đạt 95,69% so với kế hoạch được thông qua tại Nghị quyết số 002-2010/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ giao.
- ✧ Công ty hiện nay đang có khoản vay bằng ngoại tệ (USD) để mua tàu VF Glory và tàu Thăng Long với tỷ lệ vốn vay cao sẽ làm cho Công ty rơi vào tình trạng khó khăn trước biến động của tỷ giá và lãi suất, làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✧ Tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả, tận dụng tối đa thế mạnh, nguồn lực sẵn có để vượt qua khủng hoảng kinh tế và để đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: VFR

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Quý	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thoại	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Ngô Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Thoại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Ngô Xuân Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Số: 166/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Kí nh gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Phú Hà
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0389/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited**

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Trương Văn Nghĩa
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1140/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		102.636.707.798	117.829.347.155
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	50.458.586.375	78.953.314.610
1. Tiền	111		43.698.986.375	41.167.714.610
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.759.600.000	37.785.600.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.696.573.914	30.887.241.236
1. Phải thu khách hàng	131		12.196.755.024	12.625.593.915
2. Trả trước cho người bán	132		11.151.288.671	8.007.435.810
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	12.562.980.219	10.468.661.511
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(214.450.000)	(214.450.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.481.547.509	7.988.791.309
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	8.644.529.940	1.926.854.609
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	5.4	3.970.567.983	2.541.751.527
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	76.885.108	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.789.564.478	3.520.185.173
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		480.885.150.486	343.824.125.323
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		428.840.007.177	310.950.559.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	404.311.643.617	281.102.102.334
<i>Nguyên giá</i>	222		551.816.551.976	397.863.677.254
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(147.504.908.359)	(116.761.574.920)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		20.684.697.914	20.684.697.914
<i>Nguyên giá</i>	228		20.684.697.914	20.684.697.914
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	3.843.665.646	9.163.759.575
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		52.045.143.309	32.442.960.109
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	28.515.400.000	6.257.818.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	15.344.373.309	18.099.772.109
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	8.600.000.000	8.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(414.630.000)	(414.630.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	430.605.391
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	430.605.391
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		583.521.858.284	461.653.472.478

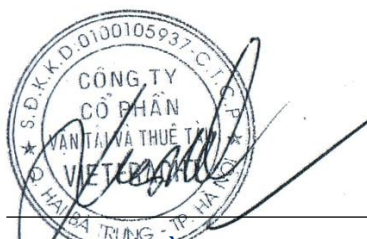
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		374.902.215.324	265.919.450.625
(300 = 310+330)				
I. Nợ ngắn hạn	310		157.040.576.503	119.605.817.618
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	50.138.839.127	42.139.820.800
2. Phải trả người bán	312		37.985.502.871	24.780.365.086
3. Người mua trả tiền trước	313		19.077.118.291	2.541.906.237
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	8.785.524.691	7.790.102.603
5. Phải trả người lao động	315		3.966.612.797	13.211.862.331
6. Chi phí phải trả	316		1.654.945.067	154.928.611
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	35.092.662.022	28.030.614.950
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		339.371.637	956.217.000
II. Nợ dài hạn	330		217.861.638.821	146.313.633.007
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	216.085.115.000	143.721.224.570
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.581.528	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.765.942.293	2.592.408.437
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.619.642.960	195.734.021.853
(400 = 410+430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410		208.619.642.960	195.734.021.853
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15	150.000.000.000	150.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.15	2.275.429.248	1.561.309.527
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	5.15	-	(194.705.795)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.15	21.156.844.651	19.032.844.651
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.15	12.480.424.748	11.052.186.001
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.15	22.706.944.313	14.282.387.469
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		583.521.858.284	461.653.472.478

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	TM	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
5. Ngoại tệ các loại			
USD		1.289.840,81	3.345.407,46
EURO		154,44	154,44
YEN		32.897,00	-
SGD		30.498,16	-



Ngô Xuân Hồng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

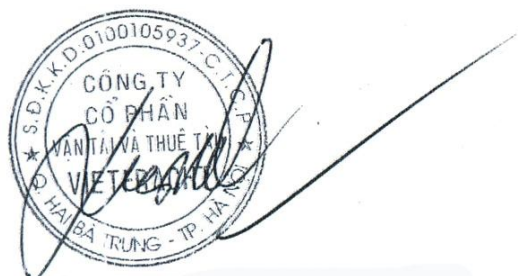
Nguyễn Thanh Thủy

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		278.995.547.435	225.979.730.759
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	278.995.547.435	225.979.730.759
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	252.670.221.157	219.581.298.168
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.325.326.278	6.398.432.591
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	16.969.000.709	30.737.546.415
7. Chi phí tài chính	22	5.18	11.701.330.464	14.865.369.809
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.848.776.351	5.438.812.403
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.275.805.487	7.436.688.159
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		24.317.191.036	14.833.921.038
11. Thu nhập khác	31	5.19	1.505.325.269	5.395.598.677
12. Chi phí khác	32	5.19	80.985.802	3.516.991.224
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.424.339.467	1.878.607.453
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.741.530.503	16.712.528.491
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.20	3.034.586.190	2.430.141.022
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		22.706.944.313	14.282.387.469
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	1.514	952



Ngô Xuân Hồng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

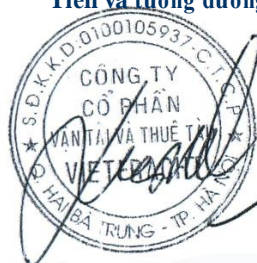
Nguyễn Thanh Thủy

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày : 1/12/2010

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010		Năm 2009	
		VND		VND	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.741.530.503		16.712.528.491	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định	02	30.772.942.569		25.097.796.182	
- Các khoản dự phòng	03	10.581.528		-	
- Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	6.799.317.556		7.722.382.280	
- Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.307.611.185)		(30.436.151.927)	
- Chi phí lãi vay	06	3.848.776.351		5.438.812.403	
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	54.865.537.322		24.535.367.429	
- Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(5.888.268.352)		3.631.979.753	
- Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	23.142.129.351		(33.215.072.467)	
- Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(6.239.430.359)		(1.384.841.721)	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.848.776.351)		(5.438.812.403)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.528.615.799)		(685.674.077)	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.632.874.364)		(3.891.124.603)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.869.701.448		(16.448.178.089)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:					
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(148.662.389.923)		(3.244.908.110)	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.935.403.066)		-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.835.403.066		1.000.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(19.631.400.000)		(2.418.875.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	129.216.800		54.021.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.602.695.335		14.975.151.927	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(158.661.877.788)		64.332.368.817	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:					
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	117.665.141.487		-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(41.309.516.800)		(33.763.857.600)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.808.080.000)		(23.479.800.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	72.547.544.687		(57.243.657.600)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(29.244.631.653)		(9.359.466.872)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	78.953.314.610		86.365.776.376	
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	749.903.418		1.947.005.106	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	50.458.586.375		78.953.314.610	



Ngô Xuân Hồng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thanh Thủy
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu (Công ty 100% vốn Nhà nước) theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27/04/2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22/09/2006 của Bộ Giao thông Vận tải.

Tên giao dịch: TRANSPORT AND CHARTERING CORPORATION
Tên viết tắt: VIETFRACHT

Trụ sở chính của Công ty tại số 74 Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0003013932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02/10/2006 là 150.000.000.000 đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần, mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông sáng lập bao gồm:

<u>Stt</u>	<u>Tên cổ đông</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Số cổ phần</u>
1.	Vốn Nhà nước	51%	7.653.200
2.	Cổ đông khác	49%	7.346.800

Các Chi nhánh

Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu thành phố Vinh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Cần Thơ

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng (Vietfracht Danang)
Công ty Cổ phần Logistics Tương lai Việt Nam

Các Công ty liên kết, liên doanh

Công ty Cổ phần Tân Cảng - VF
Công ty Cổ phần In Viễn Đông
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hashin Việt Nam
Công ty Liên doanh Dimerco - Vietfracht
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN
Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Vận tải hàng hoá bằng đường biển;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, Container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo uỷ thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá phục vụ ngành giao thông vận tải;
- Kinh doanh kho, bãi container và thu gom hàng hoá;
- Đại lý vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (tiếp theo)

- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng hàng không trong và ngoài nước;
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Tổ chức đưa đón, xuất nhập cảnh, chuyển đổi thuyền viên;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc và nhà ở;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Dịch vụ tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Công ty áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các kỳ kế toán trước

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại ngày kết thúc năm tài chính 31 tháng 12. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được Công ty hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao (Năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài, không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm 4 phần H, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.160.773.566	856.286.201
Tiền gửi Ngân hàng	42.538.212.809	40.311.428.409
Các khoản tương đương tiền	6.759.600.000	37.785.600.000
Tổng	50.458.586.375	78.953.314.610

5.2 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	373.728.300	373.728.300
Phải thu khác		
<i>Nợ vay Bộ Giao thông Vận tải</i>	<i>400.000.000</i>	<i>400.000.000</i>
<i>Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm</i>	<i>5.229.333.970</i>	<i>5.229.333.970</i>
<i>Cổ tức phải thu</i>	<i>2.704.915.850</i>	<i>-</i>
<i>Tiền ứng cho các thuyền viên</i>	<i>1.054.454.794</i>	<i>416.266.336</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.800.547.305</i>	<i>4.049.332.905</i>
Tổng	12.562.980.219	10.468.661.511

5.3 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Dầu diesel tồn tại các tàu	3.075.583.672	1.926.854.609
Chi phí sửa chữa tàu	5.494.696.268	-
Chi phí khác	74.250.000	-
Tổng	8.644.529.940	1.926.854.609

5.4 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	3.970.567.983	2.541.751.527
Thuế TNCN nộp thừa	70.165.358	-
Thuế khác	6.719.750	-
Tổng	4.047.453.091	2.541.751.527

5.5 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	3.531.499.854	3.317.649.049
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	258.064.624	202.536.124
Tổng	3.789.564.478	3.520.185.173

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	<i>Đơn vị tính:</i> <i>VNĐ</i>	Tổng
<u>Nguyên giá</u>							
Tại ngày 01/01	42.335.083.001	1.249.604.612	351.857.894.352	2.318.238.146	102.857.143		397.863.677.254
Tăng trong năm	7.503.385.248	85.000.000	146.169.077.423	225.021.181	-		153.982.483.852
<i>XDCB hoàn thành</i>	<i>7.503.385.248</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		<i>7.503.385.248</i>
<i>Mua trong năm</i>	<i>-</i>	<i>85.000.000</i>	<i>146.169.077.423</i>	<i>225.021.181</i>	<i>-</i>		<i>146.479.098.604</i>
Giảm trong năm	-	-	-	29.609.130	-		29.609.130
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>29.609.130</i>	<i>-</i>		<i>29.609.130</i>
Tại ngày 31/12	49.838.468.249	1.334.604.612	498.026.971.775	2.513.650.197	102.857.143		551.816.551.976
<u>Hao mòn lũy kế</u>							
Tại ngày 01/01	9.213.495.016	1.104.170.552	104.711.010.874	1.630.041.335	102.857.143		116.761.574.920
Tăng trong năm	2.410.311.938	82.326.710	27.915.842.476	364.461.445	-		30.772.942.569
<i>Trích khấu hao</i>	<i>2.410.311.938</i>	<i>82.326.710</i>	<i>27.915.842.476</i>	<i>364.461.445</i>	<i>-</i>		<i>30.772.942.569</i>
Giảm trong năm	-	-	-	29.609.130	-		29.609.130
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>29.609.130</i>	<i>-</i>		<i>29.609.130</i>
Tại ngày 31/12	11.623.806.954	1.186.497.262	132.626.853.350	1.964.893.650	102.857.143		147.504.908.359
<u>Giá trị còn lại</u>							
Tại ngày 01/01	33.121.587.985	145.434.060	247.146.883.478	688.196.811	-		281.102.102.334
Tại ngày 31/12	38.214.661.295	148.107.350	365.400.118.425	548.756.547	-		404.311.643.617

5.7 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kho bãi Hải Phòng	-	6.874.968.639
Kho bãi Quảng Ninh	275.981.909	275.981.909
Nhà 52 Hòa Mã	2.753.505.301	1.876.445.391
Nhà 73 Lò Đúc	677.815.000	
Các công trình khác	136.363.436	136.363.636
Tổng	3.843.665.646	9.163.759.575

5.8 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	4.195.400.000	3.814.000.000
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	-	811.818.000
Công ty TNHH Vận tải Quốc tế	-	1.632.000.000
Hankyu - Hashin Việt Nam		
Công ty Cổ phần Logistics Tương lai Việt Nam	24.320.000.000	-
Tổng	28.515.400.000	6.257.818.000

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Vốn điều lệ	Tỷ lệ	Tỷ lệ quyền	Ngành nghề kinh doanh
	(VND)	sở hữu	biểu quyết	
Công ty CP Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	8.000.000.000	52,44%	52,44%	Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách, đại lý tàu biển, vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi và xếp dỡ hàng hóa
Công ty CP Logistics Tương lai Việt Nam	30.000.000.000	92,00%	92,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận, kinh doanh cảng cạn, kho bãi, môi giới hàng hải

5.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2010	01/01/2010
	(VND)	(VND)
Đầu tư vào công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Logistics Tương lai Việt Nam</i>	-	9.870.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF</i>	2.626.500.000	2.626.500.000
<i>Công ty Cổ phần In Viễn Đông</i>	4.800.000.000	-
<i>Công ty TNHH Vận tải Quốc tế</i>	1.534.595.200	
<i>Hankyu - Hashin Việt Nam</i>		
<i>Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht</i>	780.006.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh		
<i>Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ</i>		
<i>Nol/CSS - Singapore</i>	3.268.642.109	3.268.642.109
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres</i>	414.630.000	414.630.000
<i>Công ty TNHH Heung-A Shipping VN</i>	1.440.000.000	1.440.000.000
<i>Công ty Cổ phần Unithai Logistics VN</i>	480.000.000	480.000.000
Tổng	15.344.373.309	18.099.772.109

5.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	7.500.000.000	34,00%	34,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần In Viễn Đông	16.000.000.000	30,00%	30,00%	In ấn, dịch vụ liên quan đến in, sản xuất bột giấy, giấy và bìa, buôn bán sách, báo, tạp chí và văn phòng phẩm
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin Việt Nam	3.200.000.000	49,00%	49,00%	Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận và thủ tục hải quan, dịch vụ kho bãi
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	1.591.800.000	49,00%	49,00%	Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, môi giới hàng hải
Công ty LD Vận tải biển Thế kỷ Nol/CSS -Singapore (1)	8.171.605.273	40,00%	40,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Cơ khí sửa chữa Meres (2)	1.500.000.000	26,07%	26,07%	Dịch vụ cơ khí sửa chữa phương tiện vận tải biển
Công ty TNHH Heung-A Shipping VN (3)	4.800.000.000	30,00%	30,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Công ty CP Unithai Logistics VN (4)	2.400.000.000	20,00%	1,00%	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

(1) Đến ngày 28/12/2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 2254/QĐ-BKH về việc chấm dứt hoạt động Công ty Liên doanh Nol/CSS-Singapore. Số lãi/lỗ từ khoản đầu tư vào liên doanh này chưa được xác định chi tiết cho từng bên.

(2) Đến ngày 07/05/2005, Công ty Meres đã có quyết định giải thể, theo Báo cáo của Ban thanh lý, số lỗ lũy kế của Công ty này tại ngày 31/03/2006 là 676.537.582 đồng. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư liên kết này với số tiền 414.630.000 đồng.

5.10 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác		
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài (*)</i>	4.000.000.000	4.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình (**)</i>	4.500.000.000	4.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư XD Trung Hưng (***)</i>	100.000.000	-
Tổng	8.600.000.000	8.500.000.000

- (*) Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài thành lập ngày 19/04/2005, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 4,17% trong tổng số 95,8 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.
- (*) Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập ngày 23/7/2008, tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của Công ty chiếm 3% trong tổng số 150 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty này.
- (**) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trung Hưng thành lập ngày 02/06/2010, số vốn góp cam kết tại Công ty này chiếm tỷ lệ 10% trong tổng số 10 tỷ đồng vốn điều lệ.

5.11 VAY NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TM Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	2.549.466.487	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng (ASACO)	6.800.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	40.789.372.640	42.139.820.800
Tổng	50.138.839.127	42.139.820.800

5.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	59.060.188	46.480.167
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.250.437.336	1.744.466.945
Thuế thu nhập cá nhân	1.168.247.005	708.302.716
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	199.126.800	-
Các loại thuế khác	6.108.653.362	5.290.852.775
Tổng	8.785.524.691	7.790.102.603

5.13 PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	553.649.622	783.605.136
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	156.431.770	19.814.062
Phải trả về cổ phần hóa	9.389.618.718	9.389.618.718
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	607.534.548	562.970.250
Cổ tức phải trả	5.191.920.000	-
Tạm xác định tăng nguyên giá tài sản	2.429.181.451	2.647.549.098
Chuyển số dư của Mol về Công ty	1.371.639.899	1.371.639.899
Phải trả các hãng tàu	5.273.525.123	2.509.735.893
Phải trả cán bộ công nhân viên công ty nhà nước	7.214.182.290	7.214.182.290
Phải trả khác	2.904.978.601	3.531.499.604
Tổng	35.092.662.022	28.030.614.950

5.14 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ocean Eleven Shipping Corporation	1.703.312.040	16.897.955.200
CN NH TM Cổ phần Hàng Hải Việt Nam tại HCM	149.956.585.600	168.963.090.170
Ngân hàng TM Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	105.214.590.000	-
Nợ dài hạn	-	-
Tổng vay và nợ dài hạn	256.874.487.640	185.861.045.370
Trừ:		
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Vay dài hạn đến hạn trả	40.789.372.640	42.139.820.800
Số dư vay và nợ dài hạn	216.085.115.000	143.721.224.570

Khoản vay theo Hợp đồng số 103/MSBHCM-VFR ngày 31/12/2007 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.000 DWT. Tổng số tiền vay là 12.070.000 USD, thời hạn vay là 8 năm, áp dụng lãi suất Sibor USD 6 tháng + 1,77%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay.

Khoản vay theo Hợp đồng số 20/2010/HDTC/PGB-HO ngày 05/10/2010 của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex dùng để đầu tư mua tàu chở hàng khô trọng tải 8.934 DWT. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay là 10 năm, áp dụng lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm. Tài sản đảm bảo được hình thành từ vốn vay. Gốc vay trả trong 40 kỳ, 3 tháng 1 lần, trả lần đầu trong tháng 1 năm 2011.

Lịch trả nợ vay của Công ty trong 5 năm tiếp theo (đơn vị tính: USD)

	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Ocean Eleven Shipping Corporation	89.970	-	-	-	-
CN Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam tại HCM	1.508.800	1.508.800	1.508.800	1.508.800	1.508.800
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	555.750	555.750	555.750	555.750	555.750
Tổng	2.154.520	2.064.550	2.064.550	2.064.550	2.064.550

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng / CP)

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thu tiền đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu thường	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu thường	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Biến động nguồn vốn và các quỹ**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<i>Đơn vị tính:</i> VND
Tại ngày 01/01/2009	150.000.000.000	-	-	12.332.995.177	3.531.896.642	31.226.190.543	197.091.082.362
Tăng trong năm	-	1.561.309.527	-	6.699.849.474	7.520.289.359	14.282.387.469	30.063.835.829
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	14.282.387.469	14.282.387.469
Phân phối lợi nhuận	-	1.561.309.527	-	6.699.849.474	7.520.289.359	-	15.781.448.360
Giảm trong năm	-	-	194.705.795	-	-	31.226.190.543	31.420.896.338
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	18.985.448.360	18.985.448.360
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Giảm khác	-	-	194.705.795	-	-	240.742.183	435.447.978
Tại ngày 31/12/2009	150.000.000.000	1.561.309.527	(194.705.795)	19.032.844.651	11.052.186.001	14.282.387.469	195.734.021.853
Tại ngày 01/01/2010	150.000.000.000	1.561.309.527	(194.705.795)	19.032.844.651	11.052.186.001	14.282.387.469	195.734.021.853
Tăng trong năm	-	714.119.721	194.705.795	2.124.000.000	1.428.238.747	22.706.944.313	27.168.008.576
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	22.706.944.313	22.706.944.313
Phân phối lợi nhuận	-	714.119.721	-	2.124.000.000	1.428.238.747	-	4.266.358.468
Tăng khác	-	-	194.705.795	-	-	-	194.705.795
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	14.282.387.469	14.282.387.469
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	5.046.387.469	5.046.387.469
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	236.000.000	236.000.000
Tại ngày 31/12/2010	150.000.000.000	2.275.429.248	-	21.156.844.651	12.480.424.748	22.706.944.313	208.619.642.960

5.16 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	278.995.547.435	225.979.730.759
Tổng	278.995.547.435	225.979.730.759
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	278.995.547.435	225.979.730.759

5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	252.670.221.157	219.581.298.168
Tổng	252.670.221.157	219.581.298.168

5.18 DOANH THU/CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi	1.113.806.745	2.267.687.524
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.726.189.524	301.394.488
Lãi chuyển nhượng vốn	-	15.461.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	11.193.804.440	12.707.464.403
Doanh thu hoạt động tài chính khác	935.200.000	-
Tổng	16.969.000.709	30.737.546.415
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	3.848.776.351	5.438.812.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá	7.850.121.466	9.425.957.406
Chi phí tài chính khác	2.432.647	600.000
Tổng	11.701.330.464	14.865.369.809
Thu nhập tài chính - thuần	5.267.670.245	15.872.176.606

5.19 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	3.354.507.013
Tiền bồi thường bảo hiểm, hợp đồng kinh tế	1.369.449.967	2.001.183.525
Các khoản khác	135.875.302	39.908.139
Tổng	1.505.325.269	5.395.598.677
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	3.516.991.224
Các chi phí khác	80.985.802	-
Tổng	80.985.802	3.516.991.224
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	1.424.339.467	1.878.607.453

5.20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.741.530.503	16.712.528.491
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(7.401.804.440)</i>	<i>(6.991.964.403)</i>
Thu nhập chịu thuế	18.339.726.063	9.720.564.088
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của hoạt động động đợc hưởng	12.402.762.609	(12.198.866.726)
Ơu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Tỷ lệ ưu đãi	50%	100%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	1.550.345.326	(3.049.716.682)
Lợi nhuận tính thuế của các hoạt động khác	5.936.963.454	21.919.430.814
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp	1.484.240.864	5.479.857.704
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	3.034.586.190	2.430.141.022

5.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.706.944.313	14.282.387.469
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	22.706.944.313	14.282.387.469
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.514	952

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000đ/cổ phiếu.

5.22 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.925.473.265	24.680.606.256
Chi phí nhân công	33.904.260.182	40.337.774.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.768.306.903	28.160.403.876
Chi phí dự phòng	58.710.935	219.868.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.798.265.727	99.976.759.791
Chi phí khác	30.491.009.632	33.642.573.465
Tổng	259.946.026.644	227.017.986.327

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Các giao dịch bán		
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	23.727.272	107.066.708
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin VN	215.863.921	3.243.724.136
Công ty Cổ phần Logistics Tương lai Việt Nam	7.489.090	6.354.143
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	-	310.905.946
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	52.329.154	226.007.273
Các giao dịch mua		
Công ty Cổ phần Tân Cảng-VF	546.285.479	1.173.897.773
<u>Số dư với các bên liên quan</u>	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng	-	2.640.428.448
Công ty Cổ phần kho vận Vietfracht Hưng Yên	-	380.665.871
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin VN	308.219.172	363.557.265
Công ty Cổ phần Logistics Tương lai Việt Nam	-	8.731.034.356
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	10.618.659	-
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Vận tải QT Hankyu-Hashin VN	1.185.981.930	1.233.868.934
Công ty Cổ phần Logistics Tương lai Việt Nam	2.360.765	2.269.950
Công ty LD TNHH Dimerco Vietfracht	57.302.350	-
<u>Thunhập của các thành viên chủ chốt</u>	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tiền lương	872.578.785	770.116.444
Các khoản phúc lợi khác	-	-

6.2 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào quan trọng xảy ra sau ngày khóa sổ cần phải công bố trong Báo cáo này.

6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - thành viên đại diện Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.



Ngô Xuân Hồng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Thanh Thủy

Kế toán trưởng



5



2



1



3



4

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Trần Văn Quý

Sinh ngày 03/12/1954, Kỹ sư kinh tế Vận tải biển, từ năm 1985 Ông là thuyền trưởng các tàu của Vietfracht, từ năm 1993 đến năm 1996 ông đảm nhận các chức vụ Phó phòng nghiệp vụ, Trưởng phòng nghiệp vụ, Phó Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 1998 Ông giữ chức vụ Giám đốc xí nghiệp APL (ASACO), từ năm 2000 đến năm 2003 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty liên doanh APL Việt Nam và Phó Tổng giám đốc Công ty kiêm Giám đốc chi nhánh VF HCM, năm 2004 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty và Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2006 Ông giữ chức Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty, năm 2009 Ông thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty và hiện nay Ông đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP nắm giữ: 2.528.056

Số CP sở hữu cá nhân: 2.300

Số CP nắm giữ: 2.530.356

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Quang Thoại

Sinh ngày 20/08/1951, cử nhân kinh tế Hàng hải, năm 1978 Ông làm cán bộ phiên dịch tại Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan, năm 1983 đến năm 1986 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó trưởng phòng Công ty và công tác tại đoàn đại diện các Công ty XNK đại diện của Hàng hải Việt Nam tại Singapore, từ năm 1990 đến năm 1997 Ông đảm nhiệm các chức vụ Trưởng phòng Công ty, Phó chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh CSS, Trưởng phòng kế hoạch Tổng Công ty dịch vụ Hàng hải, Trưởng phòng công ty Vận tải và thuê tàu, từ năm 2003 đến năm 2004 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty, Chủ tịch HĐQT Vận tải và thuê tàu, từ năm 2006 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP nắm giữ: 2.607.988

Số CP sở hữu cá nhân: 5.900

Số CP nắm giữ: 2.613.888

3. Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Ngô Xuân Hồng

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ năm 1995 đến năm 2001 Ông giữ các chức vụ Phó trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó kế toán trưởng và Kế toán trưởng Công ty, từ năm 2004 đến năm 2006 Ông đảm nhiệm các chức vụ Ủy viên HĐQT, Ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Vận tải và thuê tàu, năm 2008 Ông giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty, từ tháng 11 năm 2009 Ông đảm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP nắm giữ: 2.530.456

Số CP sở hữu cá nhân: 4.900

Số CP nắm giữ: 2.535.356

4. Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Đăng Nghiêm

Sinh ngày 21/08/1954, cử nhân kinh tế, 31 năm công tác trong đó 15 năm đảm nhận các chức vụ Trưởng phó phòng khai thác, Phó và Tổng giám đốc Trung tâm điều độ, Phó giám đốc, Giám đốc Công ty Tân cảng Sài Gòn – thuộc Bộ tư lệnh Hải quân Bộ Quốc phòng. Hiện Ông đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Số CP nắm giữ: 1.000.000

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 1.000.000

5. Ủy viên Hội đồng quản trị - Ông Lê Đình Ngọc

Sinh ngày 22/10/1976, thạc sỹ kinh tế, năm 1998 Ông giữ chức vụ Chuyên viên phòng Quản lý dự án Ngân hàng TMCP Quân đội, năm 2000 Ông Phụ trách lưu ký, phụ trách kinh doanh Công ty chứng khoán Thăng Long, năm 2004 Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty chứng khoán Thăng Long, năm 2006 đến nay Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Thăng Long.

Số CP nắm giữ: 750.000

Số CP sở hữu cá nhân: 0

Số CP nắm giữ: 750.000



THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Trưởng ban kiểm soát - Ông Vũ Anh Tú

Sinh ngày 29/09/1957, cử nhân kinh tế, hiện Ông là Giám đốc chi nhánh Vietfracht Hải Phòng – chi nhánh của Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht)

Số CP sở hữu cá nhân: 2.500

2. Ủy viên ban kiểm soát – Ông Nguyễn Trọng Hiền

Sinh ngày 10/09/1976, Thạc sỹ quản trị kinh doanh – Học viện QTKD Vương Quốc Bỉ, hiện Ông đang là Chuyên viên Ban Đầu tư 2 Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)

Số CP sở hữu cá nhân: 0

3. Ủy viên ban kiểm soát - Ông Nguyễn Tuấn Anh

Sinh ngày 22/10/1981, cử nhân kinh tế, hiện Ông đang là Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nam.

Số CP sở hữu cá nhân: 0



THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGÔ XUÂN HỒNG – TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh ngày 08/01/1969, cử nhân kinh tế, từ tháng 12 năm 1995 đến tháng 4 năm 2001 Ông lần lượt giữ các chức vụ Phó Trưởng phòng Kế toán tài vụ, Phó Kế toán trưởng Công ty và Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu. Từ tháng 4 năm 2001 đến tháng 10 năm 2006 Ông là Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu. Tháng 10 năm 2008 Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu. Tháng 11 năm 2009 Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu.

Số CP đại diện phần vốn NN:
2.530.456
Số CP sở hữu cá nhân: 4.900
Số CP nắm giữ: 2.535.356



ÔNG NGUYỄN QUANG THOẠI – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh ngày 20/08/1951, cử nhân kinh tế Hàng hải, năm 1978 Ông làm cán bộ phiên dịch tại Thương vụ Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan, năm 1983 đến năm 1986 Ông đảm nhiệm các chức vụ Phó trưởng phòng Công ty và công tác tại đoàn đại diện các Công ty XNK đại diện của Hàng hải Việt Nam tại Singapore, từ năm 1990 đến năm 1997 Ông đảm nhiệm các chức vụ Trưởng phòng Công ty, Phó chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh CSS, Trưởng phòng kế hoạch Tổng Công ty dịch vụ Hàng hải, Trưởng phòng công ty Vận tải và thuê tàu, từ năm 2003 đến năm 2004 Ông giữ các chức vụ Phó Tổng giám đốc công ty, Chủ tịch HĐQT Vận tải và thuê tàu, từ năm 2006 đến nay Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu (Vietfracht).

Số CP đại diện phần vốn NN:
2.607.988
Số CP sở hữu cá nhân: 5.900
Số CP nắm giữ: 2.613.888

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN GIANG TIẾN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh ngày 17/03/1951 cử nhân kinh tế, từ năm 1971 đến năm 1976 Ông là cán bộ Nhà máy Trần Hưng Đạo, từ năm 1976 đến tháng 8 năm 1978 Ông lần lượt giữ các chức vụ Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Công ty CP Vận tải và thuê tàu, tháng 12 năm 2003 Ông giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu, tháng 5 năm 2004 Ông giữ chức vụ Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và Thuê tàu, tháng 10 năm 2006 Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Vận tải và thuê tàu.

Số CP đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 3.300
Số CP nắm giữ: 3.300



ÔNG NGUYỄN THANH THỦY – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sinh ngày 26/01/1957, cử nhân kinh tế, từ tháng 3 năm 1975 đến tháng 11 năm 1981, Ông tham gia Quân đội NDVN và chuyển sang làm giáo viên Trường Ngân Hàng HN, từ tháng 7 năm 1989 đến tháng 9 năm 2002 Ông lần lượt giữ các chức vụ cán bộ phòng KTTV, Phó phòng Kiểm toán/KTTV và Phó Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu. Tháng 1 năm 2006 Ông giữ chức vụ Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Công ty, tháng 11 năm 2008 Ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty CP Vận tải và Thuê tàu.

Số CP đại diện phần vốn NN: 0
Số CP sở hữu cá nhân: 4.000
Số CP nắm giữ: 4.000

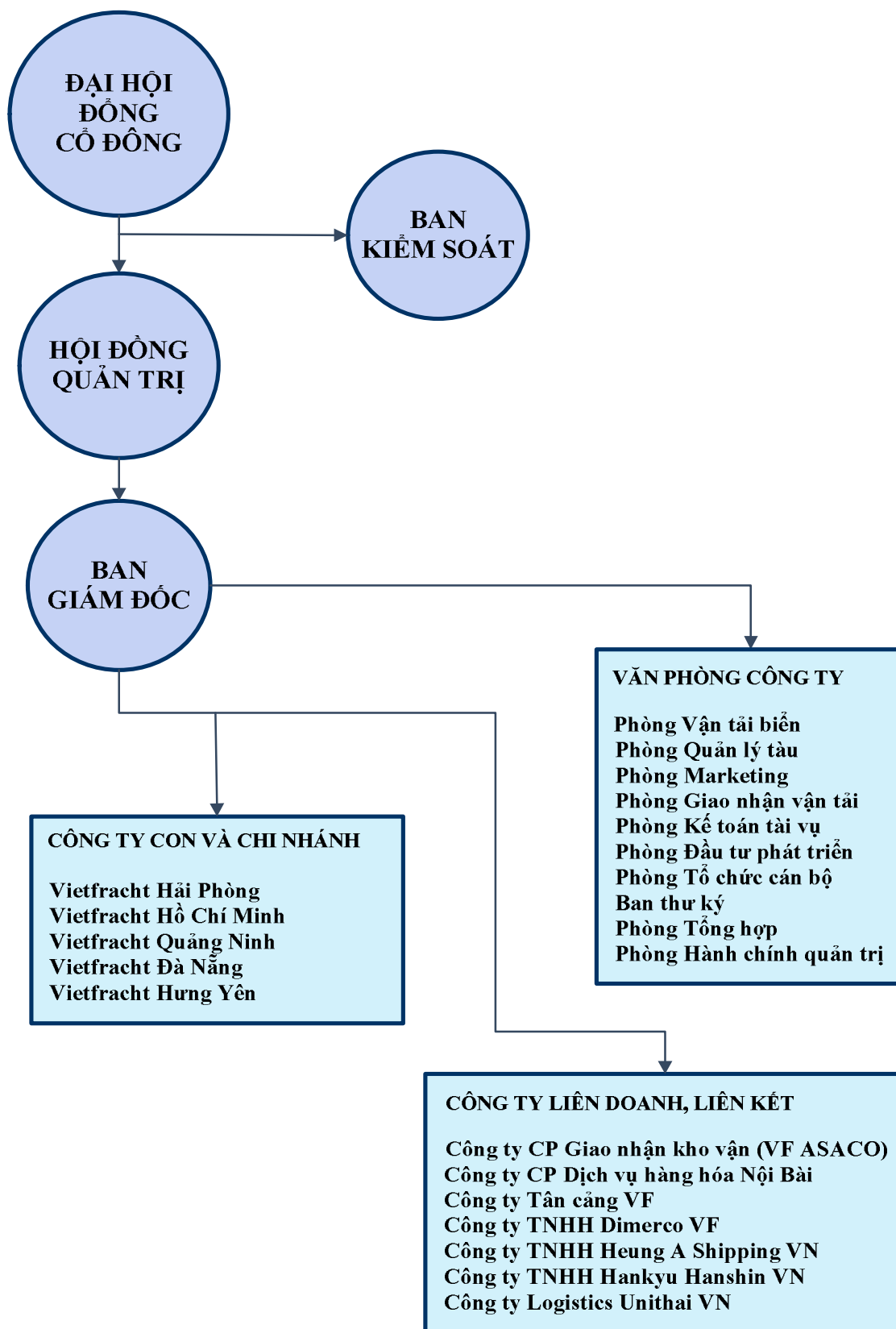


QUYỀN LỢI CỦA HĐQT và BAN GIÁM ĐỐC

- Ban giám đốc được hưởng tiền lương, thưởng theo kết quả kinh doanh của Công ty và được phân phối theo Quy chế trả lương như sau:
- Hệ số lương: theo qui định của ND 205/2004/CP ngày 14/12/2006
 - ✧ Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: bậc 1/2 - hệ số 7,3
 - ✧ Ông Nguyễn Quang Thoại – Phó Tổng giám đốc: bậc 2/2 - hệ số 6,31
 - ✧ Ông Nguyễn Giang Tiến – Phó Tổng giám đốc: bậc 2/2 - hệ số 6,31
 - ✧ Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng giám đốc: bậc 1/2 - hệ số 6,64
- Lương chức danh công việc theo qui định của Công ty ban hành kèm theo QĐ số 09/VF-TCCB ngày 24/5/2007:
 - ✧ Ông Trần Văn Quý – Chủ tịch Hội đồng quản trị: bậc 1/2 - hệ số 13,00
 - ✧ Ông Nguyễn Quang Thoại – Phó Tổng giám đốc: bậc 2/2 - hệ số 11,00
 - ✧ Ông Nguyễn Giang Tiến – Phó Tổng giám đốc: bậc 2/2 - hệ số 11,00
 - ✧ Ông Ngô Xuân Hồng – Tổng giám đốc: bậc 1/2 - hệ số 12,00
- Các quyền lợi khác: Theo Điều lệ và quy chế hiện hành của Công ty



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY NĂM 2010



CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trình độ	Số lượng
Trên Đại học	08
Đại học	239
Khác	273
Tổng	520

Chính sách lương thưởng:

Việc phân phối tiền lương cho người lao động được thực hiện công khai và dân chủ theo Qui chế Trả lương của Công ty. Quy chế này được xây dựng để đảm bảo phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và vị trí công việc của từng người, khuyến khích được cán bộ công nhân viên làm việc tích cực, hăng say. Tổng quỹ lương hàng năm được xác định trên cơ sở Đơn giá tiền lương được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Tiền lương hàng tháng luôn được trả đầy đủ, đúng thời gian. Hàng năm, Công ty có xét nâng bậc lương, hoặc chuyển ngạch lương cho người lao động hội đủ điều kiện theo qui định của Nhà nước và của Công ty. Các chế độ chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động... được Công ty thực hiện theo đúng quy định, các trang thiết bị bảo hộ, an toàn cho người lao động đều được Công ty đáp ứng đầy đủ.

Công ty cũng có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể, việc xét thưởng căn cứ vào thành tích trong lao động, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, có thành tích chống tiêu cực, trong thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí.

Chính sách đào tạo:

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên để thường xuyên nâng cao trình độ, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu của hoạt động SXKD. Về lĩnh vực đào tạo, Công ty chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo về khoa học quản lý và đào tạo tiếng Anh, hoặc tin học. Khi có chính sách mới thì đào tạo để phổ biến về các chế độ, chính sách của Nhà nước.

Hoạt động đào tạo bao gồm đào tạo trong nước và cả ở nước ngoài. Công ty cũng chú ý đào tạo nội bộ, với việc mở lớp tại Công ty do các cán bộ Công ty có kinh nghiệm giảng dạy.

Hàng năm, Công ty đều lên kế hoạch đào tạo nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động. Mọi người lao động đều được khuyến khích đăng ký tham gia các lớp đào tạo.

CÔNG TY CÓ TRÊN 50% VỐN GÓP TÀI CÔNG TY VIETFRACHT

Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC): giữ 51% vốn

<http://www.scic.vn>

CÁC CÔNG TY DO CÔNG TY VIETFRACHT Nắm GIỮ TRÊN 50 % VỐN GÓP

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu Đà Nẵng

Thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3203000152 ngày 29/9/2003 của Sở KHĐT Tp Đà Nẵng.

Trụ sở chính: 113 Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

Vốn Điều lệ: 8.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 4.195.000.000 đồng, chiếm 52,44 % vốn ĐL

Ngành kinh doanh: Vận tải đường biển, đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, Giao nhận vận tải đa phương thức, kinh doanh kho bãi.

Chỉ tiêu	2009 (triệu đồng)	2010 (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng của 2010 so với 2009
Doanh thu	22.263	57.747	2,59 lần
Lợi nhuận trước thuế	1.111	1.741	56,7%
Lợi nhuận sau thuế	910	1.306	43,5%

Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên

Thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900245281 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 11/12/2008.

Trụ sở chính: Km 24, quốc lộ 5A, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Vốn Điều lệ: 30.000.000.000 đồng, trong đó Vietfracht góp 27.600.000.000 đồng, chiếm 92% vốn Điều lệ.

Ngành kinh doanh: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, đường sắt, vận tải quá cảnh, vận tải đa phương thức; Đại lý giao nhận vận tải và tiếp vận (logistics); Kinh doanh cảng cạn(ICD), kho bãi container, kho ngoại quan; Môi giới hàng hải, XNK hàng hoá; Kinh doanh Bất động sản.

Chỉ tiêu	2009 (triệu đồng)	2010 (triệu đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng của 2009 so với 2008
Doanh thu	166	1.139	6,86 lần
Lợi nhuận trước thuế	(1.035)	359	
Lợi nhuận sau thuế	(1.035)	359	

CÁC CÔNG TY DO CÔNG TY VIETFRACHT NẤM GIỮ DƯỚI 50 % VỐN GÓP

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty TNHH Dimerco Vietfracht	Hồ Chí Minh	09/12/2005	784 triệu đ.	49%
2	Công ty TNHH Vận tải Quốc tế Hankyu-Hanshin Viet Nam	Hà Nội	07/07/2008	1,56 tỷ đ.	49 %
3	Công ty TNHH Vận tải biển thế kỷ (CSS) (Chấm dứt HĐ từ tháng 10/2010)	Singapore	30/09/1992	3,947 tỷ đ.	40 %
4	Công ty CP Vận tải Tân Cảng – ASACO (ASACO)	Hồ Chí Minh	24/12/2003	2,626 tỷ đ.	35 %
5	Công ty TNHH Heung-A Shipping Viet Nam	Hồ Chí Minh	24/12/2007	1,44 tỷ đ.	30 %
6	Công ty CP In Viễn Đông	Hưng Yên	10/05/2010	4,8 tỷ đ.	30%
7	Công ty CP Unithai Logistics Viet Nam	Hồ Chí Minh	29/02/2008	480 triệu đ.	20%
Tổng số:				15,637 tỷ đ.	

CÁC CÔNG TY ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Công ty Vietfracht còn tham gia góp vốn liên doanh liên kết hoặc đầu tư dài hạn vào 8 doanh nghiệp khác với tổng số vốn góp là 34.02 tỷ đồng. Danh sách các doanh nghiệp đó như sau:

TT	Danh sách các doanh nghiệp	Trụ sở chính	Ngày thành lập	Vốn góp của Vietfracht	Tỷ lệ góp vốn
1	Công ty CP ĐTXD Trung Hưng	Hà Nội	02/06/2010	1 tỷ đ.	10%
2	Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Hà Nội	10/8/2004	4,00 tỷ đ.	4,17 %
3	Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình	Đồng Nai	22/7/2008	4,5 tỷ đ.	3 %
Tổng số:				9,5 tỷ đ.	

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC

STT	Họ tên	Số lượng CK sở hữu ban đầu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn góp
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	7.653.200		Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	51%

CỔ ĐÔNG / THÀNH VIÊN GÓP VỐN SÁNG LẬP

STT	Họ tên	Năm sinh	Số lượng CK sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Ngành nghề kinh doanh
I	Tổ chức				
1	Tổng Cty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)		7.653.200		Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
2	Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		1.000.000		Khai thác cảng container và các dịch vụ hàng hải
3	Ngân hàng TMCP Quân Đội		750.000		Kinh doanh tài chính
II	Cá nhân				
1	Trần Văn Quý	03/12/1954	30.700	86H Võ Thị Sáu, Q. 1, TP. HCM	
2	Nguyễn Quang Thoại	2008/1951	5.900	55 Ngõ 564 Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội	
3	Ngô Xuân Hồng	08/01/1969	4.900	5/26 Ngõ 678, La Thành, Hà Nội	
4	Nguyễn Toan	28/12/1947	3.300	Số 10/A7 Đàm Trầu, Hà Nội	
5	Nguyễn Giang Tiến	17/03/1951	3.300	Nhà số 5/24 Nguyễn Phúc Lai, Phường Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội	
6	Vũ Anh Tú	29/09/1957	2.500	6/149 Hai Bà Trưng, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	
7	Nguyễn Tuấn Anh	22/10/1981	10.100	220 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	
8	Nguyễn Trọng Hiền	10/09/1976	10.100	15A Trần Khánh Dư, HN	

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU – VIETFRACHT

Trụ sở chính: 74 Nguyễn Du, Hà Nội
Điện thoại: 04.38228915
Fax: 04.39423679
Website: www.vietfracht.com.vn

CHI NHÁNH VIETFRACHT HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 35 Minh Khai, TP. Hải Phòng
Điện thoại: 031.3745529
Fax: 031.3842276

CHI NHÁNH VIETFRACHT TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Tầng 2, 3, 11 Nguyễn Công Trí,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08.38215809
Fax: 08.38216682
Website: www.vietfracht-hcm.com

CHI NHÁNH VIETFRACHT QUẢNG NINH

Địa chỉ: 51 Lê Thánh Tông, Hạ Long, QN
Điện thoại: 033.3826697
Fax: 033.3825659

VIETFRACHT QUY NHƠN

Địa chỉ: 88 Mai Xuân Thưởng, TP. Quy Nhơn
Điện thoại: 056.3814589
Fax: 056.3822687

VIETFRACHT CẦN THƠ

Địa chỉ: 95C Đường Mậu Thân,
Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 071.3811793/3813646
Fax: 071.3821342 / 3813647

VIETFRACHT ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 113 Hoàng Văn Thụ, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 0511.3823538
Fax: 0511.3897406
Website: www.vfv.com.vn

VIETFRACHT HƯNG YÊN

Address: Km 13, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc,
Huyện Văn Giang, Hưng Yên
Điện thoại: 04.38228915 / máy lẻ 210
Fax: 04.38263978

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG HƯNG

Address: Số 4, Lô 15E, Đường Trung Hòa, Trung
Yên, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04.66583436
Fax: 04.37868567

CÔNG TY CP IN VIỄN ĐÔNG

Address: Km 24, Quốc lộ 5A Xã Vĩnh Khúc,
Huyện Văn Giang, Hưng Yên
Điện thoại: 0321.3587587
Fax: 03213587590

CÔNG TY TNHH DIMERCO - VIETFRACHT

Địa chỉ: 29-31 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24,
Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39106028
Fax: 08.39106027

CÔNG TY TNHH HEUNG-A SHIPPING VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 2, 11 Nguyễn Công Trí,
Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 08.38210806
Fax: 08.38211050
Website: www.heung-a.co.kr

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ HANKYU-HANSHIN VIỆT NAM

Địa chỉ: 52 Hoà Mã, Phường Ngô Thì Nhậm,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 04.39420231
Fax: 04.39424909

CÔNG TY CP UNITHAI LOGISTICS VIỆT NAM

Địa chỉ: 22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6,
Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.39146849
Fax: 08.39146849

CÔNG TY CP TÂN CẢNG V.F

Địa chỉ: 22 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6,
Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.38291331
Fax: 08.38279124
Website: www.vietfrachtlog.com.vn

CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: Huyện Long Bình, Tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061.2608107
Fax: 08.35129471
Website: www.saiгонnewport.com.vn

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG HOÁ NỘI BÀI

Address: Sân bay quốc tế Nội Bài,
Huyện Sóc Sơn, Hà Nội
Điện thoại: 04.35840905
Fax: 04.35840906
Website: www.noibaicargo.com.vn